

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015**

Hà Nội, tháng 4 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY	4
1. Thông tin cơ bản về Công ty	4
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	8
4. Cơ cấu cổ đông	12
5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính	12
6. Định hướng phát triển.....	14
7. Các rủi ro	17
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	19
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (theo báo cáo riêng của Công ty mẹ và Công ty con)	19
2. Tổ chức và nhân sự.....	22
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	33
4. Tình hình tài chính tại Công ty mẹ	33
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	35
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	36
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	36
2. Tình hình tài chính tại Công ty mẹ	39
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	43
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	43
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	45
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	45
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty	46
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	47
V. Quản trị Công ty	50
1. Hội đồng quản trị	50
2. Ban kiểm soát	57
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	58

VI. Báo cáo tài chính	60
1. Ý kiến kiểm toán.....	60
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	60

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin cơ bản về Công ty

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tên tiếng Anh : SCI JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : SCI., JSC

Logo : 

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : (+84-4) 3768 4495

Fax : (+84-4) 3768 4490

Website : www.sci.pro.vn

Vốn điều lệ đăng ký : 370.000.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tỷ đồng).

Vốn điều lệ thực góp : 370.000.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tỷ đồng)

Giấy chứng nhận ĐKKD số : 0101405355 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 26/06/2015.

Ngày trở thành công ty đại chúng: 22/12/2006

Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101405355 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 26 tháng 06 năm 2015, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm các loại;
- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng: Gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;

- Kinh doanh vận tải hàng hoá;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Sửa chữa ô tô, các loại máy xây dựng. Gia công cơ khí, sản xuất kinh doanh phụ tùng ô tô, máy xây dựng;
- Nuôi trồng, chế biến nông lâm thủy hải sản, thực phẩm (trừ loại nhà nước cấm);
- Chuyển giao công nghệ, đầu tư, vận hành, kinh doanh khai thác các hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Kinh doanh dịch vụ Bất động sản:
- Dịch vụ sàn giao dịch Bất động sản;
 - + Dịch vụ môi giới Bất động sản (chỉ hoạt động tại sàn giao dịch Bất động sản của Công ty);
 - + Dịch vụ định giá Bất động sản (Chỉ hoạt động tại sàn giao dịch Bất động sản của Công ty);
 - + Dịch vụ tư vấn Bất động sản;
 - + Dịch vụ Đấu giá Bất động sản;
 - + Dịch vụ quảng cáo Bất động sản;
 - + Dịch vụ quản lý Bất động sản.

Địa bàn kinh doanh:

Trong các năm qua, công ty đã tham gia thi công tại các công trình sau: Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La (tỉnh Sơn La), thủy điện Nậm Chiến (tỉnh Sơn La), Công trình Nhà máy Thủy điện Lai Châu (tỉnh Lai Châu), thủy điện Plâykrông (tỉnh Kontum), thủy điện Sê San 4 (tỉnh Gia Lai), đường giao thông CN1 tỉnh Tuyên Quang, tuyến Cấp quang đường HCM, Đường QL1 Hà Nội - Bắc Ninh, Đường QL1 Pháp Vân - Cầu giẽ, công trình Cống hộp Mỹ Đình-Hà Nội, công trình Đường mòn Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Thừa Thiên Huế, Đường cao tốc Nội Bài - Vĩnh Yên, Công trình Thủy điện Lai Châu (tỉnh Lai Châu), Công trình đường 127- đường tránh ngập vào thủy điện Lai châu, Công trình đường Nam Quảng Nam (tỉnh Quảng Nam), công trình Bệnh viện Việt Tiệp cơ sở 2 giai đoạn 1(Hải Phòng), công trình đường liên xã tại huyện Kế sách tỉnh Sóc Trăng, Công trình đường tránh Quốc lộ 6 Ba La-Hà Đông và nhiều công trình khác.

Trong năm 2015, Công ty đang thi công các công trình chủ yếu là: Công trình Nhà máy Thủy điện Lai Châu (tỉnh Lai Châu); Công trình Bệnh viện Việt Tiệp cơ sở 2 giai đoạn 1 (thành phố Hải Phòng); Công trình đường giao thông huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn-Túy Loan, Nhà máy thủy điện Canan tỉnh Nghệ An...:

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần SCI (Trước đây là Công ty cổ phần Sông Đà 909) tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 903 - thuộc Công ty Sông Đà 9 - Tổng Công ty Sông Đà (Xí nghiệp Sông Đà 903 được thành lập theo Quyết định số 15 CT/TCHC ngày 20/11/1998 của Giám đốc Công ty Sông Đà 9).

Sau gần 5 năm hoạt động, Xí nghiệp Sông Đà 903 được chuyển đổi thành Công ty cổ phần, theo Quyết định số 995/QĐ-BXD ngày 25/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng V/v: chuyển Xí nghiệp Sông Đà 903 thuộc Công ty Sông Đà 9, thành Công ty cổ phần Sông Đà 909, với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 3 tỷ đồng.

Quá trình hoạt động và phát triển, Công ty cổ phần SCI đã đảm nhận thi công nhiều công trình công nghiệp và dân dụng trên khắp mọi miền đất nước như:

- Xây dựng các nhà máy thủy điện Lai Châu, Sơn La, Tuyên Quang, Sê San3, Pleykrông; Công trình đường Hồ Chí Minh, đường quốc lộ 1A, Công trình bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp cơ sở 2 Hải Phòng, Công trình đường giao thông Long Phú tỉnh Sóc Trăng....
- Đầu tư các dự án khu đô thị như: dự án khu đất Tân Vạn tại tỉnh Đồng Nai, dự án cải tạo khu Vĩnh Hồ, khu Ngọc Khánh tại thành phố Hà Nội...
- Thành lập Trung tâm xuất khẩu lao động tại Hà Đông tỉnh Hà Tây cũ. Ngoài ra, công ty còn tham gia đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ như Văn phòng cho thuê, đầu tư chứng khoán...

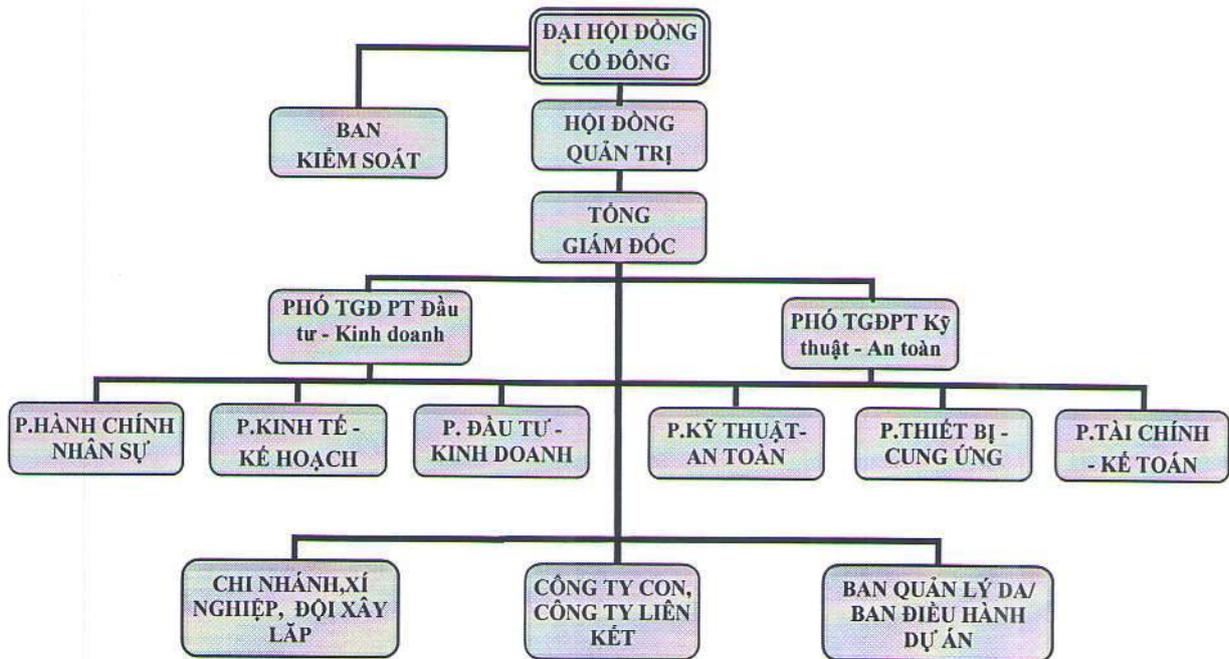
Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ cùng với phát triển mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh qua các năm như sau:

- Năm 2003: Vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 3.000.000.000 đồng, chứng nhận ĐKKD số 0103002768 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 19/8/2003.
- Năm 2006: Ngày 22/12/2006 niêm yết và chính thức giao dịch cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 909 (Mã S99) tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 67/QĐ-TTGDHN ngày 06/12/2006 của Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Năm 2007: Tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng và chia thành 02 đợt như sau :
 - + Đợt 1: Tăng vốn điều lệ từ 3.000.000.000 đồng lên 5.000.000.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303000680 do Sở KHĐT Hà Tây cấp ngày 29/03/2007 (đổi chứng nhận ĐKKD từ số 0103002768 do chuyển trụ sở từ Hà Nội sang Hà Tây)
 - + Đợt 2: Tăng vốn điều lệ từ 5.000.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0103021586 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 28/12/2007 (đổi chứng nhận ĐKKD số 0303000680 do chuyển trụ sở từ Hà Tây sang Hà Nội).

- Năm 2009: Tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên 44.497.400.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0103021586 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 01/06/2009.
- Năm 2010: Tăng vốn điều lệ từ 44.497.400.000 đồng lên 80.000.000.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0101405355 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 14/06/2010 (chuyển từ ĐKKD số 0103021586 sang ĐKKD Mã số 0101405355).
- Năm 2011: Tăng vốn điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 99.989.600.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0101405355 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 01/03/2011.
- Năm 2012: Tăng vốn điều lệ từ 99.989.600.000 đồng lên 124.969.290.000 đồng thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0101405355 do Sở KHĐT Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 16/08/2012.
- Năm 2014:
 - + Thay đổi Tổng giám đốc, theo đó thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 22/01/2013.
 - + Chuyển địa điểm trụ sở chính từ Tầng 9 tòa nhà Sông Đà, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội sang địa chỉ mới: Lô C14, Ô D21, KĐT mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội; theo đó thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 8 ngày 16/05/2013.
 - + Chuyển địa điểm trụ sở chính của Chi nhánh CTCP Sông Đà 909 – TT cung ứng nhân lực Quốc Tế từ Tầng 9 tòa nhà Sông Đà, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội sang địa chỉ mới: Lô C14, Ô D21, KĐT mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội; chuyển địa điểm trụ sở chính của Chi nhánh XN1- Công ty cổ phần Sông Đà 909 tại Sơn La từ Tầng TK3, huyện Mường La, tỉnh Sơn La sang địa chỉ mới: Xã Nậm Hàng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; theo đó thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 9 ngày 29/07/2013.
- Năm 2014: Thay đổi Tổng giám đốc và Chủ tịch HĐQT, theo đó thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 10 ngày 10/07/2014.
- Năm 2015: Thay đổi Tổng giám đốc và Chủ tịch HĐQT, chuyển địa điểm trụ sở chính từ Lô C14, Ô D21, KĐT mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội sang địa chỉ mới: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; Tăng vốn điều lệ từ 124.969.290.000 đồng lên 370.000.000.000 đồng thông qua chào bán cho cổ đông hiện hữu và CBCNV; theo đó thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 26/06/2015.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần SCI.



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông ủy quyền. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Số thành viên của Hội đồng quản trị gồm 05 (năm) thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- Ông Nguyễn Công Hùng

- Chủ tịch HĐQT

Bổ nhiệm ngày 01/07/2015

- Ông Lê Tiến Nam	- Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/07/2015
- Ông Lê Việt Dũng	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2015
- Ông Nguyễn Văn Hạnh	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2015
- Ông Lương Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2015
- Ông Đoàn Thế Anh	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/12/2015
- Ông Nguyễn Văn Hạnh	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/12/2015
- Ông Dương Ninh Tùng	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/04/2015
- Ông Đoàn Thế Anh	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/04/2015
- Nguyễn Văn Độ	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/04/2015

Ban Kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

- Ông Nguyễn Đức Lương	- Trưởng BKS	
- Ông Cao Lữ Phi Hùng	- Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 11/06/2015
- Bà Lê Thị Minh Huyền	- Thành viên BKS	

Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Tổng Giám đốc do Hội Đồng quản trị tuyển dụng, bổ nhiệm. Tổng Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty. Ban Tổng Giám đốc gồm:

- Ông Lương Thanh Tùng	- Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/06/2015
- Ông Đoàn Thế Anh	- Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/06/2015
- Ông Đoàn Thế Anh	- Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/06/2015
- Ông Nguyễn Quốc Chế	- Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/11/2015

- Ông Dương Ninh Tùng - Phó Tổng Giám đốc Miễn nhiệm ngày 23/06/2015

Các phòng ban chức năng của Công ty

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc được hiệu quả và đúng luật, cụ thể:

- Phòng Hành chính nhân sự: Là bộ phận giúp việc Tổng Giám đốc thực hiện các chức năng quản lý công tác hành chính và công tác nhân sự, bao gồm các lĩnh vực sau:
 - + Công tác tổ chức tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân sự;
 - + Công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và chế độ của người lao động;
 - + Công tác hành chính văn phòng, quản trị mạng, website của Công ty.
- Phòng Kinh tế kế hoạch: Là bộ phận chuyên môn chức năng giúp việc Tổng Giám đốc quản lý và thực hiện các công việc sau:
 - + Công tác kinh tế;
 - + Công tác hợp đồng kinh tế;
 - + Quản lý công tác kế hoạch;
 - + Công tác quản lý kế hoạch chi phí, kế hoạch giá thành, thanh quyết toán.
- Phòng Đầu tư kinh doanh: Là bộ phận chuyên môn chức năng giúp việc Tổng Giám đốc quản lý và thực hiện các công việc cụ thể sau:
 - + Công tác đầu tư và quản lý dự án;
 - + Công tác đấu thầu, tiếp thị;
 - + Công tác kinh doanh;
 - + Công tác pháp chế;
 - + Công tác quản trị rủi ro;
- Phòng Kỹ thuật an toàn: Là bộ phận chuyên môn chức năng giúp Tổng Giám đốc công ty trong các lĩnh vực cụ thể sau:
 - + Lĩnh vực quản lý kỹ thuật, chất lượng và tiến độ các công trình do Công ty được giao, được nhận thầu thi công hoặc các công trình do Công ty làm chủ đầu tư xây dựng;
 - + Nghiên cứu hướng dẫn và hỗ trợ ứng dụng công nghệ, các tiến bộ kỹ thuật, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, biện pháp hợp lý sản xuất trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - + Quản lý về an toàn lao động và bảo hộ lao động trong Công ty.
- Phòng Thiết bị cung ứng: Là bộ phận chuyên môn chức năng giúp Tổng Giám đốc thực hiện các lĩnh vực, công tác cụ thể sau:
 - + Chức năng quản lý thiết bị, cơ giới: Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị và tài sản công cụ dụng cụ của công ty. Bao gồm quản lý về hồ sơ, quản lý số lượng, chất lượng trong quá trình khai thác sử dụng.
 - + Chức năng cung ứng, quản lý vật tư phụ tùng: Chủ trì cung ứng kiểm soát nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thiết bị nhập về đúng số lượng, chủng loại chất lượng. Quản lý điều

phối, đưa vào sử dụng nhiên liệu, vật tư phụ tùng đang có tại các kho của công ty hợp lý và có hiệu quả.

- Phòng Tài chính kế toán: Là bộ phận chuyên môn chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc quản lý các lĩnh vực sau:
 - + Công tác tài chính;
 - + Công tác kế toán ;
 - + Công tác kiểm toán độc lập, nội bộ;
 - + Công tác quản lý tài sản, quản lý vốn;
 - + Công tác thanh quyết toán hợp đồng kinh tế;
 - + Kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty;
 - + Tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong toàn Công ty;

Xí nghiệp 1 - tại Lai Châu

Là đơn vị trực thuộc, Quản lý toàn bộ công tác sản xuất kinh doanh lĩnh vực thi công xây lắp tại các công trường Thủy điện Sơn La, thủy điện Nậm Chiến và Thủy điện Lai Châu, cũng như các công trình khác Công ty đã và đang triển khai thi công.

Chi nhánh Công ty - Trung tâm Cung ứng nhân lực quốc tế

Là đơn vị thay mặt Công ty thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung ứng lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Các Đội Tổng hợp số 2, số 3 và số 8

Là đội công trình được Công ty thành lập để thay mặt Công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD trực tiếp tại các công trình.

Công ty con

- Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Sông Đà 9
 - + Địa chỉ đăng ký kinh doanh: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
 - + Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, xây dựng công trình đường bộ.....
 - + Vốn điều lệ thực góp của Công ty cổ phần SCI tại Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư Sông Đà 9 là 51.000.000.000 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 51% Vốn điều lệ.
- Công ty TNHH năng lượng SOVICO – NGHỆ AN : Đầu tư góp 100% vốn và đăng ký làm chủ sở hữu.
 - + Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư và xây dựng các công trình nguồn điện, SX và KD điện TV, xây dựng công trình điện XD, kinh doanh nhà ở SX, kinh doanh vật liệu xây dựng

4. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 12/04/2016 được phân loại như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	3.227	36.550.728	365.507.280.000	98,79%
	- Cá nhân	3.189	34.551.847	345.518.470.000	93,38%
	- Tổ chức	38	1.998.881	19.988.810.000	5,41%
2	Cổ đông ngoài nước	56	449.272	4.492.720.000	1,21%
	- Cá nhân	55	449.092	4.490.920.000	1,21%
	- Tổ chức	1	180	1.800.000	0%
	Tổng cộng:	3.283	37.000.000	37.000.000.000	100%

5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính

❖ **Sản phẩm và dịch vụ chính**

Công ty cổ phần SCI hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện, nhiệt điện và dân dụng, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ các hoạt động này.

▪ **Lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện**

Công ty đã tham gia xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu, thủy điện Hòa Na, thủy điện Nậm Khánh, thủy điện Bảo Lâm 3, thủy điện Bắc Mê, thủy điện Tuyên Quang, thủy điện Pleikrong, thủy điện Bản Vẽ, thủy điện Sê San 4, thủy điện Nậm Chiến, Nhiệt điện Long Phú 1, Nhiệt điện Vũng Áng, Nhiệt điện Mông Dương 2...

▪ **Lĩnh vực giao thông**

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Đường giao thông đến trung tâm xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; Dự án phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 – Xây dựng công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn – Túy Loan, Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A – Đoạn Phú Yên, Dự án phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc Bộ, Dự án đường từ Vành đai 3 đến đường Láng Hòa Lạc, Dự án nâng cấp tỉnh lộ 176, đoạn bắc cầu Bọ đến nam thị trấn Chiêm Hóa, Dự án đường Nam Quảng Nam (Quốc lộ 40B), Dự án đường giao thông tránh ngập khi xây dựng thủy điện Sơn La – TL127, Dự án đường sắt đô thị Cát Linh – Hà Đông...

▪ **Các lĩnh vực khác**

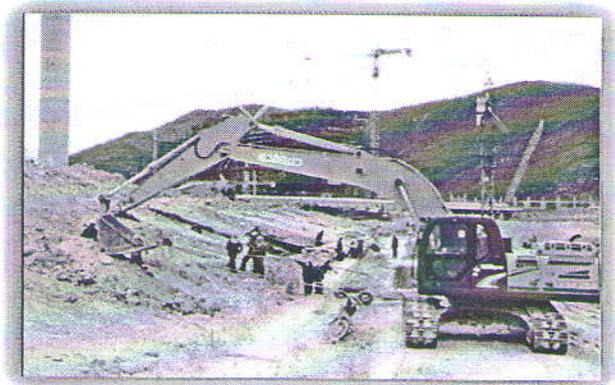
Ngoài ra, Công ty còn tham gia thi công trong các lĩnh vực khác như: Dự án đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa Hải Phòng (Cơ sở 2 – Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp); Dự án nhà máy nước Nghi Xuân, Dự án khai thác và chế biến khoáng sản mỏ Núi Pháo, Dự án nhà máy xi măng Hạ Long...

Một số dự án của Công ty

Công trình nhiệt điện Long Phú



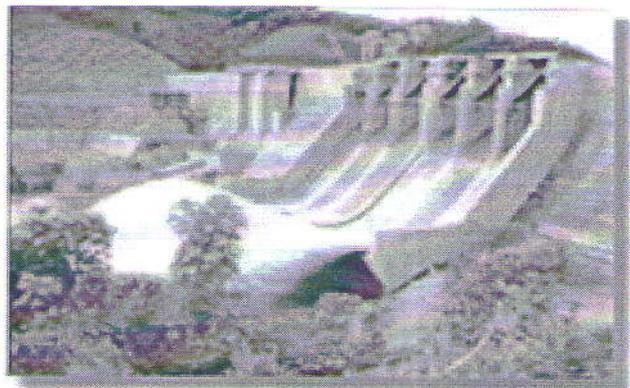
Công trình nhiệt điện Vũng Áng



Dự án thủy điện Tuyên Quang



Dự án thủy điện Lai Châu



Thủy điện Bắc Mê

Công trình khai thác mỏ Núi Pháo



6. Định hướng phát triển

6.1. Định hướng kế hoạch

Thực hiện phương án tái cấu trúc hoạt động của Công ty theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Công ty đã thông qua định hướng kế hoạch trung và dài hạn như sau :

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty, xác định lại lĩnh vực, ngành nghề mà Công ty đã, đang và sẽ triển khai theo đúng định hướng phát triển của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015, phù hợp với năng lực, kinh nghiệm thực tế của Công ty trong thời gian tới. Đẩy mạnh tham gia các hoạt động trong lĩnh vực xây lắp đường thủy, bến cảng, đầu tư thủy điện, các công trình ngầm, các dự án xử lý rác, đầu tư nhà máy nước, xử lý nước thải...
- Thay đổi tên Công ty, thay đổi địa chỉ giao dịch, thay đổi hình ảnh logo - thương hiệu - nhãn hiệu của Công ty. Việc thay đổi này phù hợp với tình hình thực tế tái cấu trúc và hướng đến một Công ty có logo - thương hiệu - nhãn hiệu riêng.
- Cơ cấu lại các đơn vị nội bộ trực thuộc Công ty:
 - + Thành lập Công ty con chuyên về thi công xây lắp với quy mô vốn hợp lý, trong đó Công ty cổ phần SCI là Công ty mẹ giữ quyền chi phối (sở hữu trên 51%).
 - + Thành lập Công ty con chuyên về xuất khẩu lao động với quy mô vốn hợp lý, trong đó Công ty cổ phần SCI là công ty mẹ giữ quyền chi phối (sở hữu trên 51%).
- Đầu tư góp vốn / mua cổ phần của các Công ty để chi phối, sáp nhập, liên kết, mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn:
 - + Đầu tư góp vốn / mua cổ phần của Công ty hoạt động có hiệu quả, đang có thị trường / dự án tốt, phù hợp với định hướng phát triển để chi phối, sáp nhập

hoặc trở thành Công ty con, công ty liên kết, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

+ Đầu tư góp vốn / mua thêm cổ phần của một số Công ty để trở thành Công ty liên kết (có vốn góp từ 20 đến dưới 50%), đồng thời tham gia quản lý, liên kết kinh nghiệm, tăng thêm lợi ích và phục vụ mục tiêu phát triển của Công ty.

+ Tìm kiếm các cơ hội kinh doanh khác thông qua đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, tăng thêm lợi ích và phục vụ mục tiêu phát triển của Công ty.

+ Đầu tư thêm máy móc thiết bị chuyên ngành để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với yêu cầu định hướng phát triển ngành nghề của Công ty.

- Bán / thanh lý trụ sở hiện nay, tìm kiếm để mua sở hữu hoặc thuê lâu dài trụ sở làm việc mới: Do công năng sử dụng, vị trí trụ sở hiện nay không phù hợp với quy mô, ngành nghề lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang tái cấu trúc, khai thác không hiệu quả và tính chuyên nghiệp của trụ sở hiện nay không cao. Do đó, cần phải thay đổi như bán / thanh lý trụ sở hiện nay, tìm địa điểm mới mua sở hữu hoặc thuê lâu dài trụ sở khác cho phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh và hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Cơ cấu lại năng lực bộ máy lãnh đạo và bộ máy tổ chức của Công ty: Theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy mô của Công ty, năng động và hiệu quả.
- Nâng cao năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm: Việc nâng cao năng lực để tự chủ, đáp ứng được các tiêu chí trong đấu thầu, chỉ định thầu, liên danh, liên kết tham gia các dự án BT, BOT, PPP theo quy định hiện hành là cần thiết cho Công ty. Thông qua phát hành trái phiếu huy động vốn tối đa 200 tỷ đồng để phục vụ kế hoạch phát triển SXKD theo định hướng tái cấu trúc đã được phê duyệt.

6.2. Mục tiêu phát triển

Tiếp tục thực hiện Phương án tái cấu trúc hoạt động của Công ty, Công ty đã định hướng kế hoạch năm 2016 như sau :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016
1	Tổng giá trị SXKD	10⁶ đ	395.255
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	67.006
-	Công ty con	10 ⁶ đ	380.000
-	Sản lượng nội bộ	10 ⁶ đ	51.751
2	Tổng giá trị đầu tư	10⁶ đ	372.442

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2016
2.1	Đầu tư góp vốn và nâng cao năng lực	10⁶ đ	150.000
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	120.000
-	Công ty con	10 ⁶ đ	30.000
2.2	Đầu tư dự án	10⁶ đ	222.442
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	10.000
-	Công ty con	10 ⁶ đ	212.442
3	Tổng doanh số	10⁶ đ	434.200
3.1	Doanh số hoạt động XL	10 ⁶ đ	404.200
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	67.529
-	Công ty con	10 ⁶ đ	375.000
-	Doanh số nội bộ	10 ⁶ đ	38.329
3.2	Doanh số khác	10 ⁶ đ	30.000
4	Tổng doanh thu	10⁶ đ	397.454
4.1	Doanh thu xây lắp	10 ⁶ đ	367.454
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	61.390
-	Công ty con	10 ⁶ đ	340.909
-	Doanh thu nội bộ	10 ⁶ đ	34.845
4.2	Doanh thu khác	10 ⁶ đ	30.000
5	Thu tiền về tài khoản	10⁶ đ	421.000
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	71.000
-	Công ty con	10 ⁶ đ	350.000
6	Lợi nhuận trước thuế	10⁶ đ	33.669
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	21.669
-	Công ty con	10 ⁶ đ	12.000
-	LN hợp nhất của SCI	10 ⁶ đ	27.789
7	Nộp ngân sách nhà nước	10⁶ đ	18.300
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	5.800
-	Công ty con	10 ⁶ đ	12.500
8	Lao động và tiền lương		
-	Công ty mẹ		
+	Tổng số lao động	Người	39
+	Thu nhập bình quân		7.400
-	Công ty con		
+	Tổng số lao động	Người	450
+	Thu nhập bình quân		7.900

Mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Công ty luôn chấp hành các quy trình, biện pháp thi công đúng với quy định của pháp luật đảm bảo hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng đến môi trường, không ngừng mở rộng quy mô để tạo công ăn việc làm, góp phần phát triển các vùng miền khó khăn, thực hiện các phong trào từ thiện...

7. Các rủi ro

7.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần SCI. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

❖ Rủi ro tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng chịu tác động của tốc độ tăng trưởng GDP và trong dài hạn tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng tương quan thuận với tốc độ tăng trưởng GDP trong toàn nền kinh tế. Trong giai đoạn nền kinh tế đi vào suy thoái tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng sẽ lớn và ngược lại. Nguyên nhân sự tương quan bắt nguồn từ việc trong giai đoạn suy thoái Chính phủ sẽ tăng chi tiêu bằng việc thực hiện chính sách tài khoá. Về cơ bản các gói kích cầu từ chính sách tài khoá đều thúc đẩy tăng đầu tư xây dựng cơ bản. Chi đầu tư xây dựng cơ bản liên tục tăng lên. Do bản chất nền kinh tế Việt Nam vẫn thuộc nhóm nền kinh tế đang phát triển, chi tiêu đầu tư xây dựng cơ bản là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng dài hạn nền kinh tế.

Việc điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty nói riêng.

❖ Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát.

Trong giai đoạn 2002 – 2015, tỷ lệ lạm phát qua các năm luôn không ổn định. Điển hình năm 2008 lạm phát tăng mức cao nhất trong giai đoạn 2002 - 2012 lên đến 18,9% gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của nền kinh tế, giá cả leo thang, các doanh nghiệp huy động vốn với lãi suất cao, chi phí tài chính tăng dẫn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh suy giảm.

Hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, thi công như Công ty Cổ phần SCI luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

❖ Lãi suất

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2015 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 9 – 10%/ năm.

Công ty Cổ phần SCI có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

7.2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

7.3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

❖ Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

7.4. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (theo báo cáo riêng của Công ty mẹ và Công ty con)

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ (%HT)
1	Giá trị SXKD	10⁶ đ	450.658	396.772	88,0%
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	80.658	59.580	
-	Công ty con	10 ⁶ đ	370.000	349.728	
-	Sản lượng nội bộ	10 ⁶ đ		12.536	
2	Giá trị đầu tư	10⁶ đ	200.000	197.700	98,9%
-	Công ty mẹ (mua bán, sáp nhập, đầu tư, góp vốn)	10 ⁶ đ	150.000	154.556	
-	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị	10 ⁶ đ	40.000	43.144	
+	Công ty mẹ	10 ⁶ đ		22.673	
+	Công ty con	10 ⁶ đ		20.471	
-	Đầu tư khác	10 ⁶ đ	10.000		
3	Tổng doanh số	10⁶ đ	510.146	453.482	88,9%
3.1	Doanh số xây lắp	10 ⁶ đ	401.546	365.553	
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	87.046		

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ (%HT)
				59.260	
-	Công ty con	10 ⁶ đ	314.500	318.829	
-	Doanh số nội bộ	10 ⁶ đ		12.536	
3.2	Doanh số khác	10 ⁶ đ	108.600	87.929	
4	Tổng doanh thu	10⁶ đ	469.878	420.972	89,6%
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	183.969	140.095	
+	Hoạt động xây lắp	10 ⁶ đ		53.873	
+	Hoạt động tài chính	10 ⁶ đ		69.156	
+	Doanh thu khác	10 ⁶ đ		17.066	
-	Công ty con	10 ⁶ đ	285.909	292.273	
-	Doanh thu nội bộ	10 ⁶ đ		11.396	
-	Doanh thu hợp nhất	10 ⁶ đ		124.707	
5	Thu tiền về tài khoản	10⁶ đ	373.250	404.950	108,5%
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	118.250	117.345	
-	Công ty con	10 ⁶ đ	255.000	287.605	
6	Lợi nhuận trước thuế	10⁶ đ	58.679	40.461	69,0%
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	30.088	22.276	
-	Công ty con	10 ⁶ đ	28.591	18.185	
-	LN hợp nhất của SCI	10 ⁶ đ		36.163	
7	Nộp ngân sách nhà nước	10⁶ đ	29.017	21.284	73,4%
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	14.508	8.339	
-	Công ty con	10 ⁶ đ	14.509	12.945	
8	Lao động và tiền lương				
-	Công ty mẹ				
+	Thu nhập bình quân		7.000	7.000	100%
-	Công ty con				
+	Thu nhập bình quân		7.600	7.600	100%

Trong năm 2015 do tình hình kinh tế trong nước và thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, mặt khác các công trình trọng yếu mà Công ty đang thi công như: Công trình thủy điện Lai Châu, công trình đường Sóc Trăng...đã vào giai đoạn cuối kỳ. Cạnh tranh trong việc tìm kiếm công việc mới ngày càng khốc liệt... Mặc dù Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý, điều hành công ty đã nỗ lực rất nhiều nhưng nhìn chung các chỉ tiêu sản xuất không đạt so với kế hoạch năm 2015 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Cụ thể như sau :

1.1 Công tác sản xuất thi công các công trình chủ yếu

- Hoạt động sản xuất chính tại công trình thủy điện Lai Châu là thực hiện bóc phủ khai thác mỏ đá, cấp đá nghiền sàng cho công trình thủy điện Lai Châu. Do công trình đã đi vào giai đoạn cuối nên giá trị sản lượng giảm và chỉ đạt 30,6 tỷ đồng, chiếm 52% tổng sản lượng

toàn Công ty. Tiến độ thực hiện theo kế hoạch và đạt yêu cầu của Ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Lai Châu.

- Thi công xây dựng công trình nhà làm việc Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, giá trị sản lượng đạt 0,95 tỷ đồng, chiếm 0,2% tổng sản lượng toàn Công ty. Công trình đã thi công và quyết toán xong.
- Thi công công trình đường giao thông huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng, giá trị sản lượng đạt 12,4 tỷ đồng, chiếm 21% tổng sản lượng toàn công ty. Công trình đã hoàn thành, đang hoàn tất các thủ tục hồ sơ và đề nghị chủ đầu tư nghiệm thu nhận bàn giao.
- Thi công công trình đường tránh QL 6, đoạn Ba La - Hà Đông, giá trị sản lượng đạt 1,2 tỷ đồng, chiếm 0,2% tổng sản lượng toàn công ty. Công trình đã thi công xong đang bàn giao với tổng thầu.
- Thi công công trình thủy điện Long Phú, giá trị sản lượng đạt 2,1 tỷ đồng, chiếm 0,4% tổng sản lượng toàn công ty.
- Thi công công trình đường Hồ Chí Minh, giá trị sản lượng đạt 6 tỷ đồng, chiếm 1% tổng sản lượng toàn công ty.

1.2 Công tác nghiệm thu - thu vốn

Do đẩy mạnh công tác thu vốn nên trong năm 2015 các chỉ tiêu tiền về đã đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể như sau:

- Công trình thủy điện Lai Châu: Doanh số thực hiện 26,8 tỷ đồng, tiền về 30,3 tỷ đồng (tương đương 113% doanh số thực hiện). Thu vốn vượt yêu cầu kế hoạch.
- Công trình Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng: Doanh số thực hiện 1,7 tỷ đồng, tiền về 0 đồng (Công trình đang trong thời gian bảo hành).
- Công trình Đường giao thông Sóc Trăng: Doanh số thực hiện 14,3 tỷ đồng, tiền về 10,7 tỷ đồng (tương đương 75% doanh số thực hiện). Thu vốn đạt kế hoạch đề ra.
- Công trình Đường tránh QL6 Ba La - Hà Đông: Doanh số thực hiện 4,6 tỷ đồng, tiền về 5 tỷ đồng (tương đương 1,1% doanh số thực hiện). Thu vốn đạt yêu cầu.

1.3 Công tác dự án

- Dự án Tân Vạn: Trong năm Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng dự án Tân Vạn, giá trị thu hồi đạt 8 tỷ đồng.
- Dự án thủy điện Phình hồ: Đã hoàn thành việc chuyển nhượng sản phẩm dở dang tại dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ với giá trị chuyển nhượng là 7,9 tỷ đồng.
- Dự án chuyển nhượng 09 căn hộ tạm cư: Thực hiện bán thu tiền xong 06 căn hộ, còn 03 căn hộ người mua đã thanh toán 30% giá trị.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Công Hùng	- Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/07/2015
- Ông Lê Tiến Nam	- Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/07/2015
- Ông Lê Việt Dũng	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2015
- Ông Nguyễn Văn Hạnh	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2015
- Ông Lương Thanh Tùng	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 27/04/2015
- Ông Đoàn Thế Anh	- Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 24/12/2015
- Ông Nguyễn Văn Hạnh	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 24/12/2015
- Ông Dương Ninh Tùng	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/04/2015
- Ông Đoàn Thế Anh	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/04/2015
- Nguyễn Văn Độ	- Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25/04/2015

❖ Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

✚ Ông Nguyễn Công Hùng Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/8/1978.
- Nơi sinh: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Số CMTND: 017389016 ngày cấp: 19/5/2012 tại CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: P1012, CT3B Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 2004 - 2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 909.
 - + 2005 - 2009: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 909 kiêm Giám đốc Xi nghiệp 1.
 - + 2009 - 05/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1.

- + 05/2010 - 04/2014: Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- + 04/2014 - 01/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- + 01/2015 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Số cổ phần nắm giữ: 400.000 cổ phần.
Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 400.000 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- ✚ **Ông Lương Thanh Tùng** **Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc**
 - Giới tính: Nam.
 - Ngày tháng năm sinh: 22/07/1978.
 - Nơi sinh: Hòa Bình.
 - Số CMTND: 012863658 do CA Hà Nội cấp ngày 29/03/2006.
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Dân tộc: Kinh.
 - Quê quán: Hòa Bình.
 - Địa chỉ thường trú: Số 27, ngõ 154, phố Phương Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội.
 - Trình độ văn hóa: 12/12.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng và Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp.
 - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 08/2001 – 04/2002: Chuyên viên phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà;

- + 4/2002 – 10/2004: Phó phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà;
- + 10/2004 – 10/2009: Trưởng phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà;
- + 10/2004 – 10/2009: Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh thương mại Việt Nhật;
- + 10/2009 – 07/2010: Phó tổng giám đốc Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà. kiêm nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà;
- + 8/2010 – 01/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long.
- + 01/2015 - 05/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- + 06/2015 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI, Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Số cổ phần nắm giữ: 300.000 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu: 300.000 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

Ông Đoàn Thế Anh

Thành viên HĐQT, kiêm phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 26/02/1978.
- Nơi sinh: Thái Bình.
- Số CMTND: 034078000022 - cấp ngày 29/01/2013 - Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thái Bình.

- Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Thượng, phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội.
- Trình độ văn hoá: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 03/2001 – 08/2004: Kỹ sư giám sát thuộc Công ty liên doanh Xây dựng Việt Nam - Cu Ba (VIC);
 - + 09/2004 – 08/2008: Phó ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Tà Niết - CTCP thủy điện Tà Niết;
 - + 09/2008 – 10/2011: Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 908 – Công ty Cổ phần Sông Đà 9, trải qua các vị trí: Phó phòng thi công, Trưởng phòng thi công công trình thủy điện Sơn La và thủy điện Lai Châu;
 - + 11/2011 – 07/2012: Tổng đội thi công Núi Pháo-Công ty cổ phần Sông Đà 9, làm Phó tổng đội trưởng tổng đội thi công cơ giới Núi Pháo - Đại Từ - Thái Nguyên;
 - + 08/2012 - 10/2013: Chi nhánh Sông Đà 9.10 - Công ty cổ phần Sông Đà 9, làm Phó giám đốc thi công công trình đường cao tốc Hà Nội-Lào Cai, công trình Trạm biến áp 220KV Bảo Thắng -Lào Cai;
 - + 11/2013 - 06/2014: Giám đốc xây dựng - Ban điều hành gói thầu EPC bãi thải xi 2 - Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2.
 - + 07/2014 - 06/2015: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 909.
 - + 06/2015 – 23/12/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.
 - + 24/12/2015 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần.
Trong đó:
 - + Sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 10.000 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

Ông Lê Việt Dũng

Ủy viên HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 05/12/1985.
- Nơi sinh: Vĩnh Phúc.
- Số CMTND: 012515380 do CA Hà Nội cấp ngày: 19/06/2002.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Vĩnh Phúc.
- Địa chỉ thường trú: Ngõ 12, tổ 28, Nghĩa Đô, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 1/2007 - 4/ 2012: Trưởng nhóm tư vấn- Công ty chứng khoán Thăng Long;
 - + 5/2012 - 9/ 2014: Cán bộ đầu tư- Ngân hàng TMCP Quân Đội;
 - + 10/2014 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần FTG Việt Nam;
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần FTG
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: Không.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

2.2 Ban kiểm soát

- Ông Nguyễn Đức Lương - Trưởng BKS
 - Ông Cao Lữ Phi Hùng - Thành viên BKS
- Miễn nhiệm ngày 11/06/2015

- Bà Lê Thị Minh Huyền - Thành viên BKS

❖ **Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát**

✚ **Ông Nguyễn Đức Lương Trưởng Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam.
 - Năm sinh: 26/8/1987.
 - Nơi sinh: Nghệ An.
 - Số CMTND: 186293444 CA Nghệ an cấp ngày 13/06/2003.
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Dân tộc: Kinh.
 - Quê quán: Diễn Hồng, Diễn Châu, Nghệ An.
 - Trình độ văn hóa: 12/12.
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Ngân hàng.
 - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 2009 đến nay: Chuyên viên đầu tư tại Asiavantage Global Limited;
 - + 04/2012 đến 06/2014: thành viên Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần SXKD XNK Prosimex;
 - + 05/2014 đến nay: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Vfpress Việt Nam;
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không
 - Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc điều hành Công ty TNHH Vfpress Việt Nam.
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó:
- + Sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
 - Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
 - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

✚ **Bà Lê Thị Minh Huyền Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ.

- Năm sinh: 17/6/1982.
 - Nơi sinh: Thanh Hoá
 - Số CMTND: 171870438 do Công an Thanh Hoá cấp ngày 07/01/2010.
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Dân tộc: Kinh.
 - Quê quán: Thanh Hoá
 - Địa chỉ thường trú: 188-Lê Lai- Tp Thanh Hoá-Tỉnh Thanh Hóa.
 - Trình độ văn hóa: 12/12.
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế.
 - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 01/2006 đến nay: Chi nhánh ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Thành Đô
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không.
 - Chức vụ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng giao dịch khách hàng cá nhân - Chi nhánh ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Thành Đô
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó:
- + Sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
 - Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
 - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

2.3 Ban Tổng giám đốc

- | | | |
|------------------------|---------------------|----------------------------|
| - Ông Lương Thanh Tùng | - Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23/06/2015 |
| - Ông Đoàn Thế Anh | - Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 23/06/2015 |
| - Ông Đoàn Thế Anh | - Phó Tổng giám đốc | Bổ nhiệm ngày 23/06/2015 |
| - Ông Nguyễn Quốc Chế | - Phó Tổng giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14/11/2015 |
| - Ông Dương Ninh Tùng | - Phó Tổng giám đốc | Miễn nhiệm ngày 23/06/2015 |

❖ **Sơ yếu lý lịch của Ban Tổng Giám đốc**

- ✚ Ông Lương Thanh Tùng **Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm 23/06/2015 (như trên)**
- ✚ Ông Đoàn Thế Anh **P. Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm 23/06/2015 (như trên)**
- ✚ Ông Nguyễn Quốc Chê **P. Tổng Giám đốc – Bổ nhiệm 14/11/2015**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 1959.
- Nơi sinh: Xã Đoan Hùng, Huyện Đoan Hùng, Phú Thọ.
- Số CMTND: 230837133 cấp ngày 09/04/2007, Nơi cấp: CA tỉnh Gia Lai.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Xã Đoan Hùng, Huyện Đoan Hùng, Phú Thọ.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 716, CT16, Khu đô thị mới Định Công- Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa chất công trình, địa chất thủy văn.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 1/1982 - 7/1984: Kỹ thuật viên Ban quản lý dự án thủy điện Hòa Bình;
 - + 7/1984 - 9/1986: Quân nhân tại E14, F565;
 - + 10/1986 - 5/1993: Kỹ thuật viên Ban quản lý dự án thủy điện Hòa Bình;
 - + 5/1993 - 6/2004: Ban quản lý dự án thủy điện Yaly
 - + 6/2004 - 9/2004: Tổng Giám đốc Công ty Hà Đô – Bộ Quốc phòng.
 - + 10/2004 - 7/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật, Vật tư Ban quản lý Dự án thủy điện 4.
 - + 7/2009 - 11/2015: Ban quản lý dự án thủy điện Sê Kong 3 – Tổng Công ty Sông Đà (từ 2013 kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần điện Việt Lào).
 - + 11/2015 tới nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
Trong đó:
 - + Sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.

Trong đó:

- + Sở hữu: 0 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

2.5 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động tại Công ty mẹ

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo giới tính		
1	Lao động Nam	53	73,61
2	Lao động Nữ	19	26,39
	Tổng cộng	72	100,00
	Phân theo trình độ		
1	Đại học và trên đại học	42	58,34
2	Cao đẳng và trung cấp	3	4,16
3	Lái xe, lái máy, thợ sửa chữa	23	31,94
4	Lao động phổ thông khác (tạp vụ, bảo vệ)	4	5,56
	Tổng cộng	72	100,00
	Phân chia theo loại hình lao động		
1	Cán bộ quản lý	15	20,83
2	Lao động trực tiếp	39	54,17
3	Lao động gián tiếp	18	25,00
	Tổng cộng	72	100,00

Trong năm 2015, tình hình nhân sự của Công ty có nhiều thay đổi lớn, do hoạt động sản xuất xây lắp chính của Công ty tại Công trình thủy điện Lai Châu đã kết thúc; và thực hiện tái cấu trúc hoạt động của công ty phát triển hoạt động đầu tư các dự án... Cụ thể biến động nhân sự trong năm như sau:

- Tuyển dụng ký hợp đồng lao động mới: 21 người, chủ yếu là các kỹ sư, cán bộ quản lý có năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động đầu tư công ty đang hướng tới.
- Chấm dứt Hợp đồng lao động: 55 người, trong đó 30% là nhân viên cán bộ gián tiếp của văn phòng Công ty và Xí nghiệp 1 tại Lai châu; và 70% là công nhân lái xe lái máy, chuyên môn tay nghề không phù hợp, có nguyện vọng chuyển công tác.
- Chuyển sang SICCO (công ty con, SCI giữ 51% vốn): 38 người, chủ yếu gồm công nhân lái xe, lái máy có chuyên môn tay nghề khá, tiếp tục làm việc tại các công trình mới.
- Chuyển sang SOVICO-NGHE AN (công ty con, SCI sở hữu 100% vốn): 8 người, gồm các kỹ sư, quản lý kỹ thuật có năng lực và kinh nghiệm phù hợp với hoạt động đầu tư các dự án.

✦ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty thực hiện làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc theo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Chế độ bảo hiểm, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ ốm thai sản...: Công ty thực hiện trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định. Thực hiện các ngày nghỉ theo đúng Bộ Luật lao động và hướng dẫn của Chính phủ đối với các kỳ nghỉ lễ, tết trong năm.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

✦ Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Căn cứ theo định hướng tái cấu trúc hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty đã có kế hoạch tuyển dụng và đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng sát với yêu cầu thực tế công việc, trong năm qua Công ty đã thu hút và đang xây dựng được đội ngũ nhân lực có năng lực và kinh nghiệm từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần SCI luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ.

✦ Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban Tổng giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

- Đầu tư mua cổ phiếu SCI – Công ty cổ phần đầu tư Sông Đà 9 để tăng tỷ lệ sở hữu lên 51%. Giá trị đầu tư: 62.056.250.000 đồng.
- Đầu tư mua 3,7 triệu cổ phiếu của Công ty cổ phần hạ tầng FECON. Giá trị đầu tư: 37.000.000.000 đồng.
- Đầu tư góp 100% vốn vào Công ty TNHH Năng lượng Sovico – Nghệ An. Giá trị đã góp vốn: 12.500.000.000 đồng.
- Đầu tư góp vốn vào Công cổ phần SCI Lai Châu. Giá trị đã góp vốn : 13.000.000.000 đồng.
- Đầu tư mua sắm xe máy, thiết bị nâng cao năng lực sản xuất. Giá trị đầu tư: 14.399.397.819 đồng
- Đầu tư góp vốn vào Quỹ đầu tư khám phá giá trị ngân hàng công thương. Giá trị đã góp vốn: 30.000.000.000 đồng.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

- Mua cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư Sông Đà 9 chiếm tỷ lệ 51%. Ngày 30/9/2015 Công ty cổ phần đầu tư Sông Đà 9 trở thành Công ty con của Công ty cổ phần SCI;
- Nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ, đầu tư góp 100% vốn và Đăng ký làm chủ sở hữu Công ty TNHH Năng lượng Sovico – Nghệ An.

4. Tình hình tài chính tại Công ty mẹ

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng(+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	212.405.826.144	554.206.067.615	160,92%
Doanh thu thuần	112.317.274.752	53.873.090.921	-52,03%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.429.303.399	13.601.077.931	-33,42%
Lợi nhuận khác	7.184.565.641	8.675.432.708	20,75%
Lợi nhuận trước thuế	27.613.869.040	22.276.510.639	-19,33%
Lợi nhuận sau thuế	21.411.420.284	17.680.852.988	-17,42%

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0
----------------------------	---	---	---

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2,95	7,11
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		2,54	6,75
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,26	0,25
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		0,36	0,33
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,22	2,62
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		0,38	0,14
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,19	0,33
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,14	0,06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,10	0,05
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần		0,18	0,25

Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty năm 2015 tăng so với năm 2014. Khả năng thanh toán tăng do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn nhỏ hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn.

Cơ cấu vốn

Năm 2014 và năm 2015, Công ty duy trì mức vay nợ không quá cao. Nợ chỉ chiếm khoảng 25 – 26% trong tổng tài sản (33 – 36%) trong tổng nguồn vốn của Công ty.

Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm 2015 giảm so với năm 2014, do tốc độ giảm của Hàng tồn kho nhỏ hơn tốc độ giảm của giá vốn hàng bán và tốc độ tăng của tổng tài sản lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu.

Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần và Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần trong năm 2015 tăng so với năm 2014, trong khi Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu và Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản năm 2015 giảm so với năm

2014 do Công ty chuyển dịch cơ cấu doanh thu, tăng doanh thu tài chính và doanh thu khác đồng thời Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản tăng trong năm 2015.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 37.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 37.000.000 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 12/04/2016 như sau :

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	3.227	36.550.728	365.507.280.000	98,79%
	- Cá nhân	3.189	34.551.847	345.518.470.000	93,38%
	- Tổ chức	38	1.998.881	19.988.810.000	5,41%
2	Cổ đông ngoài nước	56	449.272	4.492.720.000	1,21%
	- Cá nhân	55	449.092	4.490.920.000	1,21%
	- Tổ chức	1	180	1.800.000	0%
	Tổng cộng:	2.838	3.283	37.000.000	37.000.000.000

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn điều lệ của Công ty từ đầu năm là 124.969.290.000 đồng, trong quý II/2015 Công ty đã thực hiện tăng vốn thành công là 370.000.000.000 đ.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tổng quan về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2015 theo báo cáo hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	% so với kế hoạch năm 2015
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 ⁶ đ	151.563	33,6%
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	228.051	48,5%
3	Tiền về tài khoản	10 ⁶ đ	192.345	51,5%
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	36.162	61,6%
5	Nộp ngân sách nhà nước	10 ⁶ đ	16.534	57,0%
6	Thu nhập bình quân người/tháng	10 ³ đ		
	<i>Công ty mẹ</i>		7.000	100%
	<i>Công ty con</i>		7.600	100%

Nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến các chỉ số kinh tế, tài chính năm 2015 là việc hợp nhất đơn vị thành viên chậm tiến độ bởi các điều kiện khách quan. Đến Quý IV năm 2015 mới hợp nhất được với Công ty con chuyên về thi công xây lắp là Sicco. Đồng thời, trong năm 2015 do tình hình kinh tế trong nước và thế giới vẫn còn nhiều khó khăn, mặt khác các công trình trọng yếu mà Công ty đang thi công như: Công trình thủy điện Lai Châu, công trình đường Sóc Trăng....đã vào giai đoạn cuối kỳ. Cạnh tranh trong việc tìm kiếm công việc mới ngày càng khốc liệt... Mặc dù Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý, điều hành công ty đã nỗ lực rất nhiều nhưng nhìn chung các chỉ tiêu sản xuất không đạt so với kế hoạch năm 2015 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Tuy nhiên, theo chiến lược đề ra của Công ty, đây được xác định là năm bản lề chuyển dịch cơ cấu để tạo tiền đề cho sự phát triển vững chắc của Công ty trong các năm tới.

1.2 Đánh giá chung tình hình thực hiện các mục tiêu chủ yếu năm 2015

❖ Đối với công tác tái cấu trúc:

Đứng trước những thách thức mới của môi trường kinh doanh, cũng như nhu cầu phát triển, cùng với những khó khăn phát sinh trong kinh doanh nhất là trong thời kỳ hậu khủng hoảng kinh tế toàn cầu, và việc gia nhập các tổ chức thương mại thế giới của đất nước, các doanh nghiệp đang rất cần được tái cấu trúc lại để có thể tồn tại và phát triển một cách bền vững. Thực hiện chủ trương, phương án tái cấu trúc đã được ĐHĐCĐ thông qua, trong năm 2015 SCI đã triển khai chương trình tái cấu trúc toàn diện, mạnh mẽ và quyết liệt. Cụ thể các hoạt động này và kết quả đạt được như sau:

- Đổi tên công ty thành: Công ty cổ phần SCI, Địa chỉ giao dịch: Thanh lý trụ sở cũ, chuyển địa chỉ giao dịch về Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội. Đồng thời, xây dựng logo và hoàn thành bộ nhận diện thương hiệu, đưa website Công ty vào hoạt động.
- Xác định lại lĩnh vực, ngành nghề mà Công ty đã, đang và sẽ triển khai theo đúng định hướng phát triển của Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2014 phù hợp với năng lực, kinh nghiệm thực tế của Công ty trong thời gian tới. Trong đó:
 - + Về đầu tư: Tập trung đầu tư các dự án về năng lượng, môi trường. Đặc biệt là các dự án thủy điện vừa và nhỏ.
 - + Về thi công xây lắp: Đẩy mạnh tiếp thị và thực hiện thi công xây lắp trong các lĩnh vực thế mạnh như: Thủy điện, nhiệt điện, hạ tầng, giao thông thủy – bộ.
- Cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc, mua cổ phần các Công ty để chi phối sát nhập mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn:
 - + Đầu tư góp vốn và sở hữu 51% cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO - Chuyên về thi công xây lắp các lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của SCI), đưa SICCO vào hệ thống SCI, và SCI trở thành công ty mẹ giữ quyền chi phối.
 - + Ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của Công ty cổ phần Đầu tư Bắc Hà đối với vốn góp tại Công ty TNHH Năng Lượng Sovico – Nghệ An (SVC). SCI trở thành công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ của SVC. Đồng thời triển khai các hoạt động đầu tư tại 02 dự án thủy điện trên địa bàn Huyện Kỳ Sơn theo giấy phép đầu tư của SVC.
 - + Thành lập Công ty cổ phần SCI Lai Châu để chủ động và thuận lợi trong việc mở rộng đầu tư và phát triển SXKD tại khu vực.
 - + Xí nghiệp 1 tại Lai Châu: Thu hẹp dần quy mô Xí nghiệp theo tiến độ kết thúc các hạng mục công trình trên dự án này. Đến cuối quý 4 năm 2015, cơ bản dừng các hoạt động của Xí Nghiệp, điều chuyển nhân sự, thiết bị cho các công trình/dự án khác.
 - + Trung tâm xuất khẩu lao động: Sau khi nghiên cứu, tìm hiểu các nội dung liên quan đến thị trường xuất khẩu lao động và bối cảnh SCI hiện nay. HĐQT và Ban TGD đã quyết định dừng hoạt động của trung tâm này để tập trung nguồn lực cho các mục tiêu chính, phù hợp với năng lực của Công ty. Hiện nay, các thủ tục chấm dứt hoạt động của trung tâm xuất khẩu lao động đã hoàn thành.
- Thiết bị: Rà soát các thiết bị, dây truyền sản xuất toàn công ty, thanh lý một số thiết bị đã xuống cấp, hoạt động không hiệu quả, đầu tư một số thiết bị mới, hiện đại đáp ứng yêu cầu thi công.

- Nhân sự: “Con người là chìa khóa của thành công” – Trong năm 2015 SCI đã có nhiều thay đổi về nhân sự ở toàn bộ các bộ phận: Từ lãnh đạo cấp cao cho đến các phòng ban đơn vị trực thuộc. SCI đã thanh lý các nhân sự không phù hợp, điều chuyển nhân sự giữa các công ty con, tuyển mới các nhân sự có đủ năng lực.
- Đối với hệ thống quản lý: Cơ cấu lại các phòng ban, xây dựng các quy trình, quy chế hoạt động linh hoạt

❖ Đối với công tác thi công xây lắp:

- Chủ yếu tập trung hoàn thiện các công trình đang dở dang, đẩy nhanh công tác nghiệm thu thanh quyết toán, cụ thể:
 - + Công trình Lai Châu: Kết thúc thi công xây lắp trong tháng 12,
 - + Công trình Bệnh viện Việt Tiệp: Hoàn thành quyết toán và bàn giao Công trình.
 - + Công trình đường giao thông Sóc Trăng: Hoàn thành thi công, bàn giao và quyết toán công trình.
- Điều chuyển các nguồn nhân lực, máy móc thiết bị cho Công ty con theo đúng định hướng.

❖ Đối với công tác đầu tư các dự án:

Việc triển khai đầu tư các dự án được đẩy mạnh từ quý III, trong Quý IV Công ty đã tìm kiếm và triển khai được một số dự án theo đúng định hướng, như sau:

- Dự án thủy điện Ca Nan 1 & 2 (Kỳ Sơn – Nghệ An): Hoàn thành ký kết hợp đồng chuyên nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An (là Chủ đầu tư dự án). Đến nay, đã hoàn thành khảo sát, lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch, nâng công suất lắp máy từ 12MW lên 23MW và lập dự án đầu tư.
- Xúc tiến hợp tác đầu tư dự án cải tạo chung cư Ngọc Khánh: Hoàn thiện thương thảo Hợp đồng liên danh với Công ty cổ phần Khách sạn và Du lịch Thiên Thai (Ariyana).
- Hoàn thành chuyển nhượng dự án thủy điện Phình Hồ (Yên Bái); Dự án Tân Vạn, và 09 căn hộ tạm cư.

Nhìn chung công tác đầu tư dự án đã có bước khởi đầu tốt và nhiều triển vọng

1.3 Các hoạt động nổi bật năm 2015

- Đổi tên Công ty, thay đổi địa chỉ giao dịch, xây dựng mới bộ nhân diện thương hiệu.
- Tái cơ cấu các đơn vị nội bộ trực thuộc: Xí nghiệp 1; Trung tâm xuất khẩu lao động.
- Cơ cấu lại năng lực bộ máy lãnh đạo, quản lý và nhân sự toàn Công ty.
- Rà soát các thiết bị, dây truyền sản xuất toàn công ty, thanh lý một số thiết bị đã xuống cấp, hoạt động không hiệu quả, đầu tư một số thiết bị mới, hiện đại đáp ứng yêu cầu thi công:
- Đầu tư góp vốn và sở hữu 51% cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO-Chuyên về thi công xây lắp các lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của SCI), đưa SICCO vào hệ thống SCI, và SCI trở thành công ty mẹ giữ quyền chi phối.

- Ký kết và thực hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của Công ty cổ phần Đầu tư Bắc Hà đối với vốn góp tại Công ty TNHH Năng Lượng Sovico – Nghệ An (SVC). SCI trở thành công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ của SVC. Đồng thời triển khai các hoạt động đầu tư tại 02 dự án thủy điện trên địa bàn Huyện Kỳ Sơn theo giấy phép đầu tư của SVC.
- Tham gia thành lập Công ty cổ phần SCI Lai Châu để chủ động và thuận lợi trong việc mở rộng đầu tư và phát triển SXKD tại khu vực. Đến cuối năm 2015 Tỉnh Lai Châu đã ra văn bản cho phép SCI khảo sát, nghiên cứu đầu tư 02 Dự án thủy điện tại Lai Châu.
- Xúc tiến các hoạt động hợp tác đầu tư dự án cải tạo chung cư Ngọc Khánh.
- Hoàn thành chuyển nhượng dự án thủy điện Phình Hồ (Yên Bái); Dự án Tân Vạn, và 09 căn hộ tạm cư
- Hoàn thành thi công xây lắp các công trình: Đường giao thông Trinh Phú – Sóc Trăng, Công trình thủy điện Lai Châu, về đích đúng tiến độ, đáp ứng các yêu cầu của Chủ đầu tư.

1.4 Một số khó khăn, tồn tại cần khắc phục giải quyết

- Công tác nghiệm thu thanh toán và thu hồi công nợ tại các công trình còn gặp nhiều khó khăn, công nợ và giá trị dở dang còn lớn
- Công tác đấu thầu còn nhiều khó khăn, hồ sơ năng lực Công ty còn yếu, nhân sự cho bộ phận đấu thầu còn thiếu trong khi tình hình cạnh tranh trên thị trường ngày càng khó khăn và phức tạp.
- Năm 2015 Công ty tập trung cho công tác tái cấu trúc, nhân sự nhiều biến động, giảm dần tỷ trọng xây lắp, tập trung công tác đầu tư dự án, trong khi đó nhân sự hiện tại tại Công ty chủ yếu thực hiện trong lĩnh vực thi công xây lắp, kinh nghiệm trong đầu tư và quản lý dự án còn nhiều hạn chế.

2. Tình hình tài chính tại Công ty mẹ

2.1 Tình hình tài sản

Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.684.331.635	32.091.879.638	30.107.399.244	398.193.374	70.281.803.891
Tăng trong năm					
Mua sắm mới	-	10.299.616.909	7.414.523.492	-	17.714.140.401
Nâng cấp tài sản	-	-	224.000.000	-	224.000.000
Giảm trong năm					
Thanh lý nhượng bán	(7.684.331.635)	(7.663.636.364)	(16.769.360.973)	(109.651.500)	(32.226.980.472)
Số dư cuối năm	-	34.727.860.183	20.976.561.763	288.541.874	55.992.963.820
Giá trị hao mòn					
Số dư đầu năm	471.456.704	28.719.634.001	26.522.480.199	322.214.431	56.035.785.335
Tăng trong năm					
Khấu hao trong năm	128.946.040	2.490.996.164	1.711.348.365	25.095.065	4.356.385.634

Tăng khác do phân loại lại	-	8.904.384	-	-	8.904.384
Giảm trong năm					
Thanh lý nhượng bán	(591.498.360)	(7.063.051.064)	(16.769.360.973)	(58.767.622)	(24.482.678.019)
Giảm phân loại lại	(8.904.384)	-	-	-	(8.904.384)
Số dư cuối năm	-	24.156.483.485	11.464.467.591	288.541.874	35.909.492.950
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.212.874.931	3.372.245.637	3.584.919.045	75.978.943	14.246.018.556
Tại ngày cuối năm	-	10.571.376.698	9.512.094.172	-	20.083.470.870

Danh mục số lượng xe máy thiết bị hiện có:

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sử dụng	Chất lượng còn lại
A	Ô tô					
1	Ô tô ben Huyndai(loại 15T)	HD270	5	Hàn Quốc	1997	Khá
2	Ô tô ben Dongfeng(loại 19T)	Dongfeng	10	Trung Quốc	2008	Tốt
3	Xe ô tô tải ben		3	Hàn Quốc	2010	Tốt
4	Xe ô tô trộn bê tông		3	Trung Quốc	2015	Tốt
B	Máy công trình					
I	Máy xúc					
1	Máy Xúc KOBELCO	SK 200 -1	1	Nhật	2004	Khá
2	Máy xúc Komatsu	PC220 - 5	1	Nhật	2004	Khá
3	Máy Xúc VOLVO	EC360 BLC	2	Thụy Điển	2004	Tốt
4	Máy xúc Komatsu	PC350-7	1	Nhật	2008	Tốt
II	Máy ủi					
1	Máy ủi KOMATSU	D40P - 3	1	Nhật	2004	Khá
2	Máy ủi KOMATSU	D65P - 11	1	Nhật	2004	Khá
3	Máy ủi KOMATSU	D65P - 17	1	Nhật	1990	Tốt
4	Máy ủi KOMATSU	D53P	1	Nhật	2010	Tốt
5	Máy ủi KOMATSU	D45P	1	Nhật	2014	Tốt
III	Máy san					
1	Máy san hiệu Mitsubishi	29LA-1866	1	Nhật	2015	Tốt
IV	Máy cầu					
1	Máy cầu bánh xích Sumitomo	Model: LS218 RH5	1	Nhật	2015	Tốt

TT	Tên xe máy	Ký mã hiệu	Số lượng	Xuất xứ	Năm sử dụng	Chất lượng còn lại
V	Máy đầm, lu					
1	Máy đầm cóc	TV5DF	3	Nhật	2008	Tốt
2	Máy đầm cóc MIKASA	MIKASA	1	Nhật	2007	Tốt
C	Máy tổng hợp					
1	Máy nén khí ABAB	B6000/270CT	2	Nhật	2008	Tốt
2	Máy kính vĩ	THEO	1	Nhật	2003	Khá
3	Máy thủy chuẩn		1	Nhật	2003	Khá
4	Máy trộn bê tông	01	3	Việt Nam	2002- 2008	Tốt
5	Máy ép ty ô thủy lực	Finn – Power	1	Phân Lan	2008	Tốt
6	Máy phát điện 3 pha	15Kw	2	Việt Nam	2008	Tốt
7	Máy toàn đạc	GTS751	2	Nhật	2008	Tốt
8	Máy san	GD31	1	Nhật	2008	Tốt
9	Máy toàn đạc điện tử	DTM352	1	Nhật	2007	Tốt
10	Máy hàn chính l-u	ARC 403	1	Nhật	2008	Tốt
11	Máy phát điện 3 pha		1	Nhật	2008	Tốt
12	Máy nghiền sàng đá	CS 5m3/h	1	VN	2009	Tốt
13	Máy nghiền sàng đá	CS 20m3/h	1	VN	2010	Tốt
14	Máy hút cát	CS 5m3/h	1	TQ	2009	Tốt
15	Máy trộn bê tông TQ	250L	2	TQ	2010	Tốt
16	Máy nghiền sàng đá	CS 50m3/h	1	VN	2010	Tốt
17	Trạm điện 35KV	35KV	1	VN	2010	Tốt
18	Máy kính vĩ	THEO	1	Nhật	2014	Tốt
D	Xe ô tô phục vụ					
1	Xe ô tô 7 chỗ Prado	TOYOTA	1	Nhật	2011	Tốt
2	Xe ô tô 7 chỗ V6	Mitshubishi	1	Nhật	2003	Tốt
3	Xe ô tô 5 chỗ, bán tải	Ford Ranger	1	Liên doanh	2004	Tốt
4	Xe ô tô Landcruiser 4.7 V8	Landcruiser	1	Nhật	2015	Tốt
5	Xe ô tô 7 chỗ	Ford Everrest	1	Liên doanh	2007	Tốt
6	Xe ô tô 7 chỗ G2.0	Innova	1	Nhật	2007	Tốt
7	Xe ô tô 7 chỗ	Santafe	1	Nhật	2007	Tốt
8	Xe ô tô tải Pick UP	Ford Ranger	1	Thái Lan	2015	Tốt
9	Xe khách 30 chỗ	Hải âu	1	LD	2005	Tốt
10	Xe khách 30 chỗ	Hải âu	1	LD	2008	Tốt
11	Xe máy SYM	SYM	2	Hàn Quốc	2008	Tốt
12	Xe máy Sunfat	TQ	2	TQ	2009	Tốt

Trong năm Công ty thực hiện đầu tư mua sắm mới TSCĐ để nâng cao năng lực xe máy, thiết bị. Cụ thể: Đầu tư mua mới 01 xe bán tải, 01 máy lu rung, 01 máy san, 03 xe ô tô chở bê tông tươi và 01 cầu bánh xích tự hành.

Trong năm công ty đã tiến hành thanh lý 13 xe ô tô Huyn dai cũ đời 2003-2004, thanh lý 02 máy đào bánh xích, 01 máy lu rung, 02 máy xúc Vonlvo, 02 máy ủi và 01 xe ca Transinco 34 chỗ đời 2003.

2.2 Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
Nợ ngắn hạn			
1	Phải trả người bán	3.679.264.649	5.934.309.371
2	Người mua trả tiền trước	3.549.591.012	2.229.438.938
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	11.769.455.519	6.489.572.258
4	Phải trả người lao động	6.644.342.584	3.975.687.262
5	Chi phí phải trả	7.038.704.592	4.252.002.523
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.240.392.736	28.608.494.917
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.581.907.262	-
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	512.783.432	-
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	22.793.826	827.064.840
Nợ dài hạn			
1	Phải trả dài hạn khác	-	56.815.000
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	85.000.000.000
Tổng cộng		56.039.235.612	137.373.385.109

❖ Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Công nợ phải trả đầu năm là 56.039.235.612 đồng; số cuối năm 2015 là 137.373.385.109 đồng. Phần nợ phải trả phát sinh mới chủ yếu là nợ trái phiếu vay dài hạn ngân hàng phục vụ tăng qui mô vốn đầu tư hoạt động, nợ tiền đầu tư chứng khoán, nợ nhà cung cấp tiền vật tư nhiên liệu phục vụ thi công, nợ CBCNV ... Các khoản công nợ phải trả, đơn vị đã thực hiện đầy đủ cam kết nghĩa vụ trả nợ đến hạn với các đối tác ngân hàng và nhà cung cấp vật liệu đầu vào.

❖ **Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay :**

Năm 2015 Công ty không phát sinh thêm nợ phải trả xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2015, Công ty đã và đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008, đây là một bước tiến lớn, tạo nền tảng vững chắc để công ty ngày càng phát triển bền vững.

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Chúng tôi cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần SCI là: xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp mạnh đáp ứng các yêu cầu khắt khe về hội nhập kinh tế toàn cầu, là nhà thầu mạnh, nhà đầu tư hiệu quả góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để thực hiện mục tiêu trên, đơn vị tập trung xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc và sự tăng trưởng của Công ty. Bên cạnh đó, đơn vị tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị hợp lý trên cơ sở năng lực tài chính và yêu cầu của công việc. Mục tiêu cụ thể như sau:

- Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng nhằm đem lại kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.
- Mua lại các cơ hội kinh doanh thông qua việc đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty có ngành nghề tương đồng phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, đồng thời đầu tư thêm máy móc thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho định hướng hoạt động mới.

- Tập trung vào tìm kiếm các đầu việc, hợp đồng, cơ hội kinh doanh cho Công ty và quản lý tình hình hoạt động thông qua việc giám sát, giao khoán các phần việc cụ thể.

Công ty tin tưởng với sự tâm huyết, quyết tâm cao của toàn thể cán bộ, công nhân viên và chiến lược phát triển đúng đắn, Công ty cổ phần SCI sẽ đạt được mục tiêu đã đề ra.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1 Những việc đã làm được

Về định hướng chiến lược:

a) Định hướng chiến lược:

- Đã xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.
- Thực hiện chia tách, sáp nhập các bộ phận, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Cân đối năng lực thi công trên công trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thường xuyên tìm kiếm, thay đổi các đối tác cung cấp nguồn nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu giá thành đầu vào nâng cao lợi nhuận SXKD của Công ty.

b) Công tác quản lý:

- Chú trọng công tác nhân sự từ các cấp quản lý tới các cá nhân trực tiếp thi công trên công trường. Liên tục tổ chức đào tạo và đào tạo lại tại chỗ đối với toàn thể CBCNV đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
- Phân loại, thanh lý đối với các xe máy cũ có hiệu quả thi công thấp và tiến hành đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quy trình, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng máy móc thiết bị và đánh giá thường xuyên tiêu hao nhiên liệu, mặt khác kiểm soát tốt nguồn/sàng lọc nhà thầu cung cấp nguyên liệu, vật tư phục vụ công tác thi công trên công trường.
- Thường xuyên vận dụng, bổ sung sửa đổi các quy chế, quy định đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2016 và các năm tiếp theo.
- Khai thác triệt để các tính năng ứng dụng của các phần mềm quản lý nhằm rút ngắn và đơn giản các quy trình thực hiện công việc tại mỗi công đoạn.

Về Công tác quản trị - Giám sát thực hiện:

a) Công tác Quản trị:

- Tận dụng các cơ hội phát triển, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới bắt kịp xu hướng thời đại.
- Phát triển mạnh các nguồn lực sẵn có, tiến hành thái hời các phương tiện sản xuất lạc hậu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Giám sát thực hiện:

- Sáp nhập, giải thể, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chuyên môn.

- Phân tích hiệu quả đầu tư, tiến hành tạm dừng đối với các công trình, dự án chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.
- Cân đối xe phục vụ, điều động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát các hợp đồng, chỉ đạo xuất toán đối với các hạng mục công trình dở dang.
- Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty phê duyệt lại quy chế trả lương, quy chế quản lý công tác Hợp đồng và quy chế làm việc áp dụng cho toàn Công ty.
- Thực hiện các chế độ liên quan đối với người lao động đảm bảo tăng cường gắn bó và đóng góp của mỗi CBCNV đối với Công ty.

1.2 Những việc chưa làm được

Bên cạnh những việc đã đạt được, Công ty còn một số tồn tại chưa giải quyết được cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp: Chưa thực hiện triệt để việc sắp xếp, định biên nhân sự;
- Công tác thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình: Một số công trình đã thi công xong nhưng chưa nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chưa được thanh quyết toán, ...
- Công tác thu hồi vốn và công nợ còn chậm

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Với chức năng điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng giám đốc có quyền quyết định các công việc liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Do đó hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc không chỉ ở việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và còn đối với các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn của Ban Tổng giám đốc:

Đối với thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ về kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHCĐ thông qua: Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên với HĐQT để HĐQT nắm được và có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời đối với những vấn đề phát sinh cần có quyết định của HĐQT. Với những vấn đề thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHCĐ thì HĐQT sẽ tiến hành các bước cần thiết theo quy định của pháp luật, của điều lệ công ty để có được sự phê chuẩn trong thời gian nhanh nhất để Ban Tổng giám đốc tiếp tục thực thi nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

Việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT: Đối với các quyết định của HĐQT mang tính chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thì trong quá trình triển khai Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, theo giai đoạn bằng văn bản, đồng thời qua các cuộc họp chuyên môn,... Với các quyết định khác quy định thời gian thực hiện, Ban Tổng giám đốc triển khai và thực hiện báo cáo kết quả ngay khi công việc kết thúc.

Cụ thể, thực hiện theo định hướng tái cấu trúc hoạt động của Công ty, tháng 06/2015 Công ty đã kiện toàn Ban Tổng giám đốc gồm: Tổng giám đốc (TGD) (bổ nhiệm mới) và 01 Phó TGD (bổ nhiệm lại); tháng 11/2015 tuyển dụng bổ nhiệm mới thêm 01 Phó TGD. Ban TGD hiện tại gồm TGD và 02 PTGD.

Trong năm 2015, chủ yếu tập trung 06 tháng cuối năm Ban TGD đã nỗ lực rất lớn thực hiện tất cả các nội dung tái cấu trúc hoạt động của Công ty.

Ban TGD đã trực tiếp điều hành tập trung giải quyết, đổi mới bộ máy và cơ cấu tổ chức, thiết lập lại các quy định quy trình quản lý theo hướng phân định trách nhiệm từng vị trí, tiết kiệm nhân lực và chi phí hoạt động. Kết quả đã tạo dựng được hình ảnh mới của Công ty đang có uy tín và thuyết phục với nhiều đối tác. Các tồn đọng cũ đã lần lượt được kiểm soát và giải quyết.

Ban TGD đã triển khai thực hiện kịp thời và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT; đã nỗ lực bằng khả năng và từ nhiều mối quan hệ tìm kiếm có kết quả để Công ty thực hiện các dự án đầu tư như: Dự án thủy điện Can nan (đang đầu tư), các dự án thủy điện Nậm Xe, Nậm Lụm (đang xúc tiến khảo sát).

Hoạt động SXKD 2015 đã đặt ra các nền tảng và tiền đề cần thiết cho triển khai hoạt động SXKD của các năm tiếp theo. Với tình hình và kết quả đó HĐQT đánh giá Ban TGD đã thực hiện đúng chức trách và đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Tuy vậy Ban TGD còn cần phải tập trung quyết liệt hơn nữa trong công tác thu vốn, thu nợ cũ và tìm kiếm công trình dự án mới trong lĩnh vực giao thông hạ tầng; Xây dựng phát triển nguồn nhân lực để vươn ra cạnh tranh mạnh và rộng hơn. Cần chuẩn bị nguồn nhân lực phát triển bền vững trong nước và hướng ra nước ngoài.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Định hướng

- Phê duyệt, bổ sung và chỉnh sửa tăng cường mở rộng mối quan hệ, tập trung tìm kiếm và chỉ đạo triển khai các dự án nhằm mục đích mở rộng hoạt động SXKD, tạo cơ hội tăng thu nhập cho CBCVN Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tạo thương hiệu đối với các Chủ đầu tư;
- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;
- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;
- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.
- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;

- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

3.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động

Năm 2016, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

3.2.1 Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư, thu hồi nợ nhanh chóng theo tiến độ xây dựng.
- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu đầu tư các dự án thủy điện / thi công công trình xây lắp trong lĩnh vực giao thông hạ tầng.
- Giám sát và chỉ đạo Công ty TNHH Năng lượng SOVICO-NGHE AN (Công ty con) thực hiện đầu tư dự án thủy điện Ca nan theo mục tiêu phát điện nhà máy thủy điện Ca nan 2 vào Quý I/2018 và nhà máy thủy điện Ca nan 1 vào Quý II/2018.
- Chỉ đạo thực hiện khảo sát lập và phê duyệt các dự án thủy điện Nậm Xe, Nậm Lùm, tiếp tục tìm kiếm các dự án thủy điện và môi trường để nghiên cứu đầu tư

3.2.2 Công tác đầu tư

- Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, Tổng Giám đốc Công ty trình HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

3.2.3 Công tác tiếp thị, đấu thầu

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2016 và các năm tiếp theo;
- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn.
- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

3.2.4 Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp

- Hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu. Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và cải tiến thường xuyên nâng cao tính hiệu lực của Hệ thống này.
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; Củng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình;
- Đánh giá, thực hiện công tác định biên nhân sự và luân chuyển cán bộ để tạo nguồn cho các năm tiếp theo;

- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiến độ trên các công trình đang thi công.
- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương mới nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất;
- Xây dựng cẩm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Tiếp tục các hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp: xây dựng nguồn nhân lực, phát triển hình ảnh thương hiệu công ty, nâng năng lực cạnh tranh/đấu thầu trong nước và từng bước phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh trên thị trường ngoài nước.
- Ban hành các nội quy quy chế tăng cường công tác quản trị vốn, hoạt động đầu tư dự án, đầu tư tài chính chuyên sâu và chuyên nghiệp, thống nhất áp dụng cho các công ty con

3.2.5 Công tác Kinh tế - Kỹ thuật – Tài chính kế toán

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công;
- Bám sát Chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn;
- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra;
- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh, quyết toán công trình đã và đang thi công;
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình, hiệu quả SXKD;
- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tồn đọng.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.

3.2.6 Công tác quản lý vật tư cơ giới

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty;
- Tiếp tục chấn chỉnh lại công tác chăm sóc bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, thiết bị đúng quy trình quy phạm, đảm bảo kế hoạch sửa chữa lớn xe máy thiết bị.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao kiến thức và kỹ năng vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, đảm bảo năng lực xe, máy đáp ứng được yêu cầu tiến độ thi công;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng xe máy, quyết toán nhiên liệu, sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời khi phát hiện sai sót;

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên HĐQT và cơ cấu của HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	400.000	1,08	
2	Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	300.000	0,81	Kiểm Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	0	0	
4	Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên HĐQT	10.000	0,027	Kiểm Phó Tổng Giám đốc

1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Tiến Nam	Chủ tịch	9/19	47%	Từ 01/07/2015 thôi TV HĐQT.
2	Ông Lê Khả Tuyên	Ủy viên	1/19	5%	Từ 02/03/2015 thôi TV HĐQT.
3	Ông Nguyễn Văn Độ	Ủy viên	6/19	32%	Từ 27/04/2015 thôi TV HĐQT
4	Ông Dương Ninh Tùng	Ủy viên	6/19	32%	Từ 27/04/2015 thôi TV HĐQT

5	Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	12/19	63%	Từ 27/04/2015 là TV HĐQT; Từ 24/12/2015 thôi TV HĐQT
6	Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	7/19	37%	Từ 27/04/2015 đến 23/12/2015 thôi TV HĐQT, Từ 24/12/2015 là TV HĐQT
7	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	13/19	68%	Từ 27/04/2015 là TV HĐQT; Từ 01/07/2015 là Chủ tịch HĐQT
8	Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	13/19	68%	Từ 27/04/2015 là TV HĐQT
9	Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	13/19	68%	Từ 27/04/2015 là TV HĐQT

1.3.2 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc

- Giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thông qua kết quả SXKD hàng quý của Công ty.
- Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty.
- Phê duyệt và giám sát thực hiện tái cấu trúc hoạt động của Công ty theo nội dung được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và ủy quyền: Thực hiện xong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ; Đổi tên Công ty; Nhượng bán trụ sở văn phòng cũ, thuê trụ sở văn phòng mới; Phê duyệt cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ phòng ban Công ty theo định hướng tái cấu trúc phát triển SXKD.
- Phê duyệt phương án đầu tư mua sắm xe máy thiết bị nâng cao năng lực sản xuất của Công ty.
- Phê duyệt nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Năng lượng Sovico – Nghệ An và giám sát chỉ đạo thực hiện đầu tư dự án thủy điện Ca nan tại Nghệ An.
- Phê duyệt các hoạt động mua bán cổ phần và đầu tư khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Phê duyệt và ban hành các quy chế phục vụ quản lý điều hành Công ty: Quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế lương, quy chế phân cấp quản lý hoạt động đầu tư, quy chế quản lý hợp đồng.

1.3.3 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	01/S99-HĐQT-NQ	19/01/2015	Thông qua danh sách người lao động được mua cổ phiếu đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ Công ty.

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
2.	02/S99-HĐQT-NQ	19/01/2015	Thông qua kết quả SXKD quý IV/2014 và chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2015
3.	06/S99-HĐQT-NQ	10/02/2015	Phê duyệt trả lương tháng 13 năm 2014 cho cán bộ công nhân viên Công ty.
4.	05/S99-HĐQT-NQ	02/03/2015	Miễn nhiệm thành viên HĐQT ông Lê Khả Tuyên.
5.	07/S99-HĐQT-NQ	17/03/2015	Phê duyệt thanh lý TSCĐ cũ (10 xe ô tô tải Hyundai HD270, 01 xe 7 chỗ Mitsubishi)
6.	09/S99-HĐQT-NQ	20/03/2015	Phê duyệt thanh lý TSCĐ cũ (02 máy xúc Volvo, 02 máy ủi CAT)
7.	10/S99-HĐQT-NQ	31/03/2015	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu và chào bán tiếp cổ phiếu còn dư của đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ đến 380 tỷ đồng.
8.	10a/S99-HĐQT-NQ	31/03/2015	Thông qua việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
9.	11/S99-HĐQT-NQ	03/04/2015	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, chốt tăng vốn điều lệ đạt 370 tỷ đồng.
10.	12/S99-HĐQT-NQ	06/04/2015	Thông qua hợp đồng mua 3,7 triệu cổ phần của Công ty cổ phần hạ tầng FECON.
11.	13/S99-HĐQT-NQ	07/04/2015	Thông qua việc tham gia đấu giá mua cổ phần phát hành lần đầu của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động và chuyên gia (SULECO)
12.	15/S99-HĐQT-NQ	07/04/2015	Điều chỉnh phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ đến 370 tỷ đồng.
13.	14/S99-HĐQT-NQ	10/04/2015	Thông qua nội dung các tài liệu HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
14.	16/S99-HĐQT-NQ	13/4/2015	Phê duyệt mức ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần quản lý Quỹ đầu tư Sao vàng
15.	17/S99-HĐQT-NQ	13/4/2015	Thông qua đầu tư mua cổ phiếu Công ty CP Vận tải và dịch vụ điện lực (POTRACO)
16.	19/S99-HĐQT-NQ	15/4/2015	Thông qua mua cổ phần đấu giá thành công của Công ty TNHH MTV Xuất khẩu lao động và chuyên gia (SULECO)
17.	20/S99-HĐQT-NQ	16/04/2015	Thông qua kết quả SXKD và Báo cáo tài chính QI/2015.
18.	33a/S99-HĐQT-TTr	20/04/2015	Thông qua Đầu tư nâng cao năng lực xe máy, thiết bị thi công năm 2015 (01 xe bán tải, 01 máy lu rung, 01 máy san).

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
19.	35/S99-HĐQT-NQ	23/04/2015	Thông qua việc chào mua công khai cổ phần SCI (chào mua để đạt sở hữu 51% tổng số cổ phần đang lưu hành của SICCO).
20.	36/S99-HĐQT-NQ	25/04/2015	Miễn nhiệm thành viên HĐQT ông Dương Ninh Tùng, ông Nguyễn Văn Độ và ông Đoàn Thế Anh.
21.	37/S99-HĐQT-NQ	08/05/2015	Phê duyệt giao dịch với Công ty CP đầu tư FTG Việt Nam v/v mua cổ phiếu của Công ty CP Dịch vụ-Vận tải dầu khí Cửu Long (mã PCT)
22.	39/S99-HĐQT-NQ	22/5/2015	Điều chỉnh giá chào mua công khai cổ phiếu SCI.
23.	40/S99-HĐQT-NQ	25/05/2015	Thông qua nhượng bán Quyền sử dụng đất và Trụ sở văn phòng Công ty tại Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
24.	41/S99-HĐQT-NQ	27/05/2015	Thông qua hợp đồng giao dịch giữa Công ty với người liên quan - cán bộ quản lý Công ty v/v nhượng bán 02 căn hộ tái định cư.
25.	42/S99-HĐQT-NQ	03/06/2015	Phê duyệt bán cổ phần Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia (SULECO).
26.	43/S99-HĐQT-NQ	03/06/2015	Phê duyệt phương án hợp tác với Công ty CP Hoàn Lộc Việt mua cổ phiếu SULECO.
27.	46/S99-HĐQT-NQ	15/06/2015	Phê duyệt phương án đầu tư góp vốn thành lập Quỹ Đầu tư.
28.	46a/S99-HĐQT-NQ	19/06/2015	Thông qua bán cổ phần Công ty CP Vận tải và dịch vụ điện lực (POTRACO).
29.	47/S99-HĐQT-NQ	23/06/2015	Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty (ông Dương Ninh Tùng)
30.	48/S99-HĐQT-NQ	23/06/2015	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty (ông Đoàn Thế Anh)
31.	50/S99-HĐQT-NQ	23/06/2015	Thông qua việc đổi tên, thay đổi địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh và vốn điều lệ của Công ty (tên mới là: Công ty cổ phần SCI).
32.	51/S99-HĐQT-NQ	23/06/2015	Bổ nhiệm ông Lương Thanh Tùng làm Tổng Giám đốc Công ty.
33.	52/S99-HĐQT-NQ	23/06/2015	Bổ nhiệm ông Đoàn Thế Anh làm Phó Tổng giám đốc Công ty.
34.	54/S99-HĐQT-NQ	25/06/2015	Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015.
35.	55/S99-HĐQT-NQ	30/06/2015	Phê duyệt dự án Lập bộ nhận diện thương hiệu của Công ty cổ phần SCI
36.	56/S99-HĐQT-NQ	30/06/2015	Phê duyệt cơ cấu tổ chức và chức năng

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
			niệm vụ các phòng ban bộ phận Công ty cổ phần SCI
37.	57/S99-HĐQT-NQ	30/06/2015	Miễn nhiệm chủ tịch và thôi thành viên HĐQT đối với ông Lê Tiến Nam.
38.	59/S99-HĐQT-NQ	30/06/2015	Bầu ông Nguyễn Công Hùng làm Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2013-2017.
39.	60/SCI-HĐQT-NQ	02/07/2015	Rút lại đề nghị chào mua công khai cổ phiếu Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO)
40.	61/SCI-HĐQT-NQ	06/07/2015	Miễn nhiệm kế toán trưởng Công ty đối với ông Chu Danh Phương.
41.	62/SCI-HĐQT-NQ	06/07/2015	Bổ nhiệm ông Cao Lữ Phi Hùng làm kế toán trưởng Công ty
42.	65/SCI-HĐQT-NQ	29/07/2015	Phê duyệt Quy chế trả lương khối gián tiếp
43.	67/SCI-HĐQT-NQ	29/07/2015	Ban hành hệ thống thang bảng lương của Công ty
44.	68/SCI-HĐQT-NQ	28/08/2015	Thông qua Quy chế quản lý tài chính của Công ty
45.	69/SCI-HĐQT-NQ	28/08/2015	Thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty
46.	70/SCI-HĐQT-NQ	28/08/2015	Thông qua Quy chế công bố thông tin của Công ty
47.	71/SCI-HĐQT-NQ	28/08/2015	Thông qua Quy chế quản lý hợp đồng
48.	72/SCI-HĐQT-NQ	09/09/2015	Thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT
49.	73/SCI-HĐQT-NQ	09/09/2015	Thông qua việc mua cổ phiếu SCI để tăng tỷ lệ sở hữu đến 51%
50.	74/SCI-HĐQT-NQ	18/09/2015	Thông qua quy chế phân cấp quản lý hoạt động đầu tư
51.	75/2015-HĐQT-NQ	21/09/2015	Thông qua đầu tư mua cổ phần Tổng Công ty Chè Việt Nam
52.	76/2015-HĐQT-NQ	28/09/2015	Phê duyệt đầu tư mua phần vốn góp tại Công ty TNHH Năng lượng SOVICO-NGHỆ AN
53.	77/2015-HĐQT-NQ	06/10/2015	Phê duyệt dự án Mua sắm 03 xe ô tô chở bê tông tươi và 01 Cầu bánh xích tự hành.
54.	78/2015-HĐQT-NQ	20/10/2015	Thông qua góp vốn thành lập Công ty cổ phần SCI-Lai Châu
55.	79/2015-HĐQT-NQ	5/11/2015	Nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ, Đầu tư góp 100% vốn và Đăng ký làm chủ sở hữu Công ty TNHH Năng lượng SOVICO-NGHỆ AN.
56.	80/2015-HĐQT-NQ	5/11/2015	Bổ nhiệm Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Năng lượng SOVICO-NGHỆ AN

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
57.	81/2015-HĐQT-NQ	5/11/2015	Phê duyệt điều lệ Công ty TNHH Năng lượng SOVICO-NGHỆ AN
58.	82/2015-HĐQT-NQ	6/11/2015	Cử người đại diện phần vốn góp tại SICCO
59.	83/2015-HĐQT-NQ	5/11/2015	Cử người đại diện phần vốn tại Công ty TNHH Năng lượng SOVICO-NGHỆ AN
60.	83a/2015-HĐQT-NQ	07/11/2015	Tiếp tục nghiên cứu đầu tư dự án thủy điện Canan và nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch để tối ưu hóa hiệu quả Dự án.
61.	84/2015-HĐQT-NQ	14/11/2015	Bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Chế làm Phó Tổng giám đốc Công ty
62.	84a/2015-HĐQT-NQ	14/11/2015	Phê duyệt cho phép thực hiện theo phương án điều chỉnh và thực hiện trước một số phần việc thuộc Dự án nhà máy thủy điện Ca nan
63.	86/2015-HĐQT-NQ	16 /11/2015	Phê duyệt cơ cấu tổ chức quản lý Công ty TNHH Năng lượng SOVICO-NGHỆ AN
64.	87/2015-HĐQT-NQ	16 /11/2015	Thông qua danh sách bổ nhiệm lãnh đạo Công ty TNHH Năng lượng SOVICO-NGHỆ AN
65.	88/2015-HĐQT-NQ	18 /11/2015	Phê duyệt thanh lý tài sản cố định xe máy thiết bị cũ
66.	89a/2015-HĐQT-NQ	23/11/2015	Cho phép nghiên cứu bổ sung quy hoạch dự án thủy điện Ca nan 1
67.	90a/2015-HĐQT-NQ	04/12/2015	Thông qua việc tiếp tục thực hiện đầu tư dự án “Cải tạo xây dựng lại nhà A2, B1, B2, B3 khu tập thể Ngọc Khánh” quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
68.	90/2015-HĐQT-NQ	11/12/2015	Thông qua phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp Công ty cổ phần SCI
69.	91/2015-HĐQT-NQ	21/12/2015	Thông qua danh sách miễn nhiệm ông Phan Thanh Hải và bổ nhiệm ông Trần Kim Sơn Phó TGD kiêm Kế toán trưởng SOVICO-NGHE AN
70.	92/2015-HĐQT-NQ	24/12/2015	Bầu bổ sung ông Đoàn Thế Anh - làm thành viên HĐQT
71.	93/2015-HĐQT-NQ	24/12/2015	Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Hạnh
72.	94/2015-HĐQT-NQ	25/12/2015	Phê duyệt phương án đầu tư tài chính ngắn hạn
73.	95/2015-HĐQT-NQ	24/12/2015	Thông qua quy chế phân cấp quản lý hoạt động đầu tư dự án thủy điện Ca nan
74.	96/2015-HĐQT-NQ	30/12/2015	Thành lập văn phòng đại diện của SCI tại Nước CHDCND Lào

STT	Số Nghị quyết /Quyết định	Ngày	Nội dung
75.	97/2015-HĐQT-NQ	30/12/2015	Thông qua hợp tác đầu tư dự án “Cải tạo xây dựng lại nhà A2, B1, B2, B3 khu tập thể Ngọc Khánh”

1.3.4 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do
1	Ông: Lê Tiến Nam	CT HĐQT		01/07/2015	Thôi vì lý do cá nhân
2	Ông: Lê Khả Tuyên	TV HĐQT		02/03/2015	
3	Ông: Dương Ninh Tùng	TV HĐQT		27/04/2015	
4	Ông: Nguyễn Văn Độ	TV HĐQT		27/04/2015	
5	Ông: Nguyễn Văn Hạnh	TV HĐQT	27/04/2015	24/12/2015	
6	Ông: Nguyễn Công Hùng	TV HĐQT, CT HĐQT	27/04/2015		ĐHĐ cổ đông thường niên bầu
7	Ông: Lương Thanh Tùng	TV HĐQT	27/04/2015		
8	Ông: Lê Việt Dũng	TV HĐQT	27/04/2015		
9	Ông: Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên BKS		11/06/2015	

1.3.5 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Trong năm 2015, HĐQT có 2 ủy viên HĐQT độc lập là ông Lê Việt Dũng và ông Nguyễn Văn Hạnh. Các ủy viên HĐQT độc lập thường xuyên tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của HĐQT hàng quý, trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty.

1.3.6 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	

2	Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên HĐQT	
3	Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên HĐQT	
4	Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên HĐQT	

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên BKS và cơ cấu của BKS

- Ông Nguyễn Đức Lương - Trưởng BKS
- Ông Cao Lữ Phi Hùng - Thành viên BKS Miễn nhiệm ngày 11/06/2015
- Bà Lê Thị Minh Huyền - Thành viên BKS

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Hoạt động của Ban kiểm soát / Kiểm soát viên: Trong năm 2015, Ban kiểm soát thường xuyên tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị hàng quý. Ban kiểm soát đã trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, nắm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty; đã tham gia để Ban Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị kịp thời.
- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty: Thường xuyên chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các chỉ đạo của HĐQT thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết đại hội đồng cổ đông.
- Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, kiểm tra giám sát, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm đúng với quy chế và các quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng làm việc	Dự toán năm 2015		Thực hiện năm 2015	
				Số tiền thù lao 1 tháng	Số tiền thù lao cả năm	Số tiền thù lao 1 tháng	Số tiền thù lao cả năm
A	Hội đồng quản trị				500.000.000		500.000.000
1	Nguyễn Công Hùng	CT	6	15.000.000	90.000.000	15.000.000	90.000.000
		UV	2	8.000.000	16.000.000	8.000.000	16.000.000
2	Lê Tiến Nam	CT	6	15.000.000	90.000.000	15.000.000	90.000.000
3	Lê Khả Tuyên	UV	2	8.000.000	16.000.000	8.000.000	16.000.000
4	Lương Thanh Tùng	UV	8	8.000.000	64.000.000	8.000.000	64.000.000
5	Đoàn Thế Anh	UV	4	8.000.000	32.000.000	8.000.000	32.000.000
6	Lê Việt Dũng	UV	8	8.000.000	64.000.000	8.000.000	64.000.000
7	Nguyễn Văn Hạnh	UV	8	8.000.000	64.000.000	8.000.000	64.000.000
8	Nguyễn Văn Độ	UV	4	8.000.000	32.000.000	8.000.000	32.000.000
10	Dương Ninh Tùng	UV	4	8.000.000	32.000.000	8.000.000	32.000.000
B	Ban kiểm soát				200.200.000		200.200.000
1	Nguyễn Đức Lương	TB	12	8.000.000	96.000.000	8.000.000	96.000.000
2	Lê Thị Minh Huyền	TV	12	6.000.000	72.000.000	6.000.000	72.000.000
3	Cao Lữ Phi Hùng	TV	5.37	6.000.000	32.200.000	6.000.000	32.200.000
	Tổng cộng				700.200.000		700.200.000

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông: Nguyễn Công Hùng	CT HĐQT			400.000	1,080	Mua tăng tỷ lệ sở hữu
2	Ông: Lương Thanh Tùng	TV HĐQT- TGD			300.000	0,810	Mua tăng tỷ lệ sở hữu
3	Ông: Đoàn Thế Anh	TV HĐQT- PTGD			10.000	0,027	Mua tăng tỷ lệ sở hữu
4	Ông: Cao Lữ Phi Hùng	TV BKS	5.000	0,01	0	0,00	Bán, giải quyết việc cá nhân

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2015, Công ty đã tuân thủ đúng các quy định hiện hành về Công tác quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm từ 01/07/2015
Ông Lê Tiến Nam	Chủ tịch	Miễn nhiệm từ 01/07/2015
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 27/04/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Bổ nhiệm từ 24/12/2015
Ông Nguyễn Văn Hạnh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 24/12/2015
Ông Dương Ninh Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015
Ông Nguyễn Văn Độ	Ủy viên	Miễn nhiệm từ 25/04/2015

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 23/06/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 23/06/2015
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 23/06/2015
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ 14/11/2015
Ông Dương Ninh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 23/06/2015

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Đức Lương

Trưởng ban

Ông Cao Lữ Phi Hùng

Thành viên

Bà Lê Thị Minh Huyền

Thành viên

Miễn nhiệm ngày 11/06/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Lương Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

Số: 732/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 22 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 48, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

(đã ký)

Trương Thị Hoài Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2446-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		640.034.028.945	164.371.581.898
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	32.717.881.915	15.006.939.754
111	1. Tiền		32.717.881.915	15.006.939.754
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	197.273.062.978	22.244.467.955
121	1. Chứng khoán kinh doanh		205.817.372.392	22.618.158.788
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(8.794.309.414)	(373.690.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		272.898.223.429	101.360.257.822
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	169.648.675.694	69.568.551.193
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.719.089.882	4.443.710.344
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	2.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	95.753.983.305	33.884.249.640
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.223.525.452)	(6.536.253.355)
140	IV. Hàng tồn kho	9	131.028.012.622	22.800.066.002
141	1. Hàng tồn kho		131.049.050.154	22.800.066.002
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.037.532)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.116.848.001	2.959.850.365
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	814.073.323	297.899.770
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.302.774.678	2.661.950.595
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		213.081.609.218	48.034.244.246
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.613.353.500	-
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		2.385.353.500	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	228.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		96.516.968.546	36.220.185.883
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	96.395.093.587	14.246.018.556
222	- Nguyên giá		173.846.712.595	70.281.803.891
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(77.451.619.008)	(56.035.785.335)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	121.874.959	21.974.167.327
228	- Nguyên giá		342.500.000	22.182.292.364
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(220.625.041)	(208.125.037)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	4.525.229.151
231	- Nguyên giá		-	4.987.974.818
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(462.745.667)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		27.365.439.011	6.231.781.409
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	27.365.439.011	6.231.781.409
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	80.550.000.000	550.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		80.550.000.000	550.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		6.035.848.161	507.047.803
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.035.848.161	507.047.803
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		853.115.638.163	212.405.826.144

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		364.717.240.654	56.039.235.612
310	I. Nợ ngắn hạn		253.206.869.403	56.039.235.612
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	42.535.354.454	3.679.264.649
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		44.886.940.183	3.549.591.012
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	11.610.173.332	11.769.455.519
314	4. Phải trả người lao động		16.745.494.772	6.644.342.584
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.308.567.379	7.038.704.592
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	33.063.031.662	4.240.392.736
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	99.467.812.298	18.581.907.262
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	512.783.432
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.589.495.323	22.793.826
330	II. Nợ dài hạn		111.510.371.251	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	56.815.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	108.524.460.928	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	29.a	2.929.095.323	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		488.398.397.509	156.366.590.532
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	488.398.397.509	156.366.590.532
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		370.000.000.000	124.969.290.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		370.000.000.000	124.969.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.192.087.059	6.050.945.031
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.166.320.441	24.364.189.501
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		19.910.709.704	3.865.479.071
421b	LNST chưa phân phối năm nay		28.255.610.737	20.498.710.430
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		61.057.824.009	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		853.115.638.163	212.405.826.144

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng

Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2015

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	124.707.077.840	114.245.725.823
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	-	1.928.451.071
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.707.077.840	112.317.274.75
11	4. Giá vốn hàng bán	22	118.752.320.254	80.900.137.015
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.954.757.586	31.417.137.737
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	72.653.925.797	8.413.626.212
22	7. Chi phí tài chính	24	47.578.870.543	4.268.292.929
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		5.122.710.343	1.537.802.683
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		8.181.818	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	16.468.908.841	15.133.167.621
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		14.552.722.181	20.429.303.399
31	12. Thu nhập khác	26	30.690.120.854	24.270.068.932
32	13. Chi phí khác	27	9.079.919.698	17.085.503.291
40	14. Lợi nhuận khác		21.610.201.156	7.184.565.641
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.162.923.337	27.613.869.040
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	4.795.876.343	6.202.448.756
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	29.b	2.929.095.323	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		28.437.951.671	21.411.420.284
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		28.255.610.737	21.411.420.284
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		182.340.934	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	967	1.713

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng

Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.162.923.337	27.613.869.040
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	(6.399.100.984)	5.529.389.617
- Các khoản dự phòng	03	7.990.338.847	(3.994.594.073)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.519.087.033)	(6.907.929.758)
- Chi phí lãi vay	06	5.122.710.343	1.537.802.683
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.357.784.510	23.778.537.509
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(61.449.132.673)	10.185.038.259
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15.811.906.991)	4.706.684.195
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31.079.844.652	(14.503.582.234)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.216.935.143	1.039.351.306
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(149.532.857.404)	(16.524.828.126)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.792.373.337)	(1.537.802.683)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.646.211.226)	(1.659.608.991)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	152.500.000	647.279.245
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(280.100.000)	(471.787.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(168.705.517.326)	5.659.280.880
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(34.558.930.160)	(4.238.039.590)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	56.264.395.415	16.326.476.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(54.390.979.197)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	37.866.151.071
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(144.436.775.222)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.345.460.602	513.550.748
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(122.385.849.365)	(3.922.840.151)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	245.030.710.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	162.872.540.608	19.690.516.842
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(99.100.941.756)	(30.467.820.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	308.802.308.852	(10.777.303.872)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	17.710.942.161	(9.040.863.143)

Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	15.006.939.754	24.047.802.897
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	32.717.881.915	15.006.939.754

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Quách Thị Thanh Thủy
Người lập

Cao Lữ Phi Hùng
Kế toán trưởng

Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tên cũ là Công ty Cổ phần Sông Đà 909), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 26 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 370.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 370.000.000.000 đồng; tương đương 37.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Gia công cơ khí;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất, kinh doanh phụ tùng ô tô;
- Kinh doanh máy xây dựng;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ xây dựng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà ở và văn phòng cho thuê;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, buro điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, lợi nhuận thuần của hoạt động sản xuất kinh doanh có sự sụt giảm mặc dù doanh thu tăng là do hầu hết các công trình xây dựng của Công ty mẹ đang trong giai đoạn quyết toán đợt cuối, có sự điều chỉnh về giá trị công trình sau quyết toán.

Tuy nhiên, lợi nhuận khác trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất lại tăng đột biến là do Công ty mẹ đang từng bước thực hiện phương án tái cấu trúc hoạt động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 38/S99-ĐHĐCĐ-NQ ngày 27/04/2015. Theo đó Công ty sẽ đầu tư góp vốn vào các công ty để chi phối, sáp nhập, liên kết, mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh khác thông qua đầu tư để phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Ngoài ra, trong năm Công ty đã hoàn thành việc mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và nhận chuyển nhượng vốn góp và quyền góp vốn tại Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An để nắm quyền kiểm soát do đó Báo cáo kết quả kinh doanh được hợp nhất với kết quả kinh doanh của các Công ty con từ thời điểm nắm quyền kiểm soát. Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 vẫn đang hoạt động bình thường và không có các biến động lớn trong năm tuy nhiên Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An đang trong giai đoạn thực hiện dự án công trình thủy điện Canan nên vẫn chưa phát sinh doanh thu và chi phí từ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cấu trúc Tập đoàn

- **Tổng số Công ty con: 02 Công ty**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 02 Công ty
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: Không có.
- **Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Hà Nội	51,00%	51,00%	Chế tạo, lắp đặt cơ khí, xây dựng công trình và hạ tầng
Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	Nghệ An	100,00%	100,00%	Xây dựng thủy điện

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 36.

2.4 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.5 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính

được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự

phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm kế toán	20	năm
- Nhãn hiệu, thương hiệu	20	năm

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	1.074.159.430	2.636.752.648
Tiền gửi ngân hàng	31.643.722.485	12.370.187.106
	32.717.881.915	15.006.939.754

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	-	-
- Tiền gửi có hạn (*)	250.000.000	250.000.000	-	-
	250.000.000	250.000.000	-	-

(*) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số 01/2015/283367/HĐTĐ ngày 06/05/2015, số tiền gửi 250.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng từ 06/05/2015 đến 06/05/2016. Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn dùng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	205.817.372.392	242.269.913.500	(8.794.309.414)	22.618.158.788	22.244.467.955	(373.690.833)
GEX	106.786.671.886	138.690.000.000	-	-	-	-
PCT	18.212.390.992	23.717.570.000	-	-	-	-
SDA	7.410.000.000	7.366.661.000	(43.339.000)	-	-	-
STG	26.271.046.600	34.109.390.000	-	-	-	-
VHG	41.656.800.000	33.707.700.000	(7.949.100.000)	-	-	-
Tiền đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Sao Vàng	-	-	-	20.015.000.000	20.015.000.000	-
Cổ phiếu khác	5.480.462.914	4.678.592.500	(801.870.414)	2.603.158.788	2.229.467.955	(373.690.833)
	<u>205.817.372.392</u>	<u>242.269.913.500</u>	<u>(8.794.309.414)</u>	<u>22.618.158.788</u>	<u>22.244.467.955</u>	<u>(373.690.833)</u>

(*) Cơ sở xác định giá trị hợp lý các khoản chứng khoán kinh doanh của Công ty là giá thị trường lần lượt tại thời điểm 31/12/2015 và 01/01/2015.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển khu Kinh tế Hải Hà	550.000.000	-	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	37.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	13.000.000.000	-	-	-
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (*)	30.000.000.000	-	-	-
	80.550.000.000	-	550.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Biên bản thỏa thuận góp vốn thành lập quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam giữa Công ty Cổ phần SCI với Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05 năm;
- Vốn điều lệ dự kiến: 100 tỷ đồng;
- Lĩnh vực và mục tiêu đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp dự định đầu tư.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VNĐ	VNĐ
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Sông Đà 9	13.407.291.679	-
- Ban Điều hành thủy điện Sơn La	19.598.923.915	21.700.960.565
- Ban Điều hành Dự án thủy điện Lai Châu	8.901.147.230	10.613.192.192
- VPĐD Tổng Công ty Sông Đà - BDH dự án Thủy điện Lai Châu	27.486.125.562	6.019.239.899
- Công ty CP Licogi 13	15.643.046.996	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	84.612.140.312	31.235.158.537
	<u>169.648.675.694</u>	<u>69.568.551.193</u>

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VNĐ	VNĐ
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thành Vinh (*)	2.000.000.000	-
	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản cho vay ngắn hạn:

- (*) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD ngày 04/12/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 2.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.222.222	-	-	-
- Phải thu về kinh phí công đoàn	7.604.700	-	-	-
- Tạm ứng	22.913.460.736	-	20.190.550.996	-
- Ký cược, ký quỹ	1.016.000.000	-	1.016.000.000	-
- Phải thu tiền bán cổ phiếu	49.371.276.750	-	-	-
- Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty Chứng khoán	13.787.751.851	-	4.871.932.619	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Phú Gia Hưng	95.117.575	-	7.586.464.403	-
- Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	1.166.850.555	-	-	-
- Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động tại CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	811.721.694	-	-	-
- Công ty CP Sản xuất thương mại và KT toàn cầu Hitec	1.298.150.000	-	-	-
- Tiền khối lượng tại Công trình Hạ Long	381.192.683	-	-	-
- Phải thu các đội thi công của Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An	2.255.563.165	-	-	-
- Phải thu khác	2.636.071.374	(28.311.032)	219.301.622	-
	95.753.983.305	(28.311.032)	33.884.249.640	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	228.000.000	-	-	-
	228.000.000	-	-	-

8. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	16.344.249.669	9.120.724.217	16.860.034.611	10.323.781.256
- Ban điều hành Thủy điện Sơn La - Công trình thủy điện Nậm Chiến	12.373.818.927	8.661.673.249	12.373.818.927	9.526.706.204
- Chi nhánh TCT Thành An tại Hoà Bình	266.288.815	-	-	-
- Công ty CAVICO Việt Nam xây dựng giao thông	70.000.737	-	-	-
- Các khoản khác	3.634.141.190	459.050.968	4.486.215.684	797.075.052
	16.344.249.669	9.120.724.217	16.860.034.611	10.323.781.256

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.374.339.742	(21.037.532)	4.305.718.564	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	116.674.710.412	-	18.494.347.438	-
- Công trình Bệnh viện Việt Tiệp	-	-	693.442.909	-
- Công trình thủy điện Lai Châu	17.171.525.265	-	8.507.232.436	-
- Công trình QL1 - Phú Yên	11.842.870.189	-	-	-
- Công trình đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng	14.605.457.085	-	-	-
- Công trình bến nhập thiết bị Nhiệt điện Long Phú	26.191.664.095	-	-	-
- Hàng mục đóng cọc nhà máy Nhiệt điện Long Phú	24.492.071.707	-	-	-
- Công trình thủy điện Phù Ninh Hồ	-	-	3.228.165.493	-
- Các công trình khác	22.371.122.071	-	6.065.506.600	-
	131.049.050.154	(21.037.532)	22.800.066.002	-

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	22.939.574.871	6.031.781.409
- Dự án Thủy điện Phình Hồ (1)	-	4.038.039.590
- Dự án Mỏ đá Nhà Lương, Mỏ đá núi Chua - Công ty Cổ phần Sông Đà Hồng Lĩnh (2)	1.993.741.819	1.993.741.819
- Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	1.213.907.221	-
- Dự án công trình Thủy điện Canan (3)	19.731.925.831	-
Nâng cấp tài sản cố định	2.939.971.140	-
Mua sắm tài sản cố định	390.000.000	-
- Ô tô tải có cần cầu Hyundai	390.000.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.095.893.000	200.000.000
- Máy móc thiết bị	30.000.000	200.000.000
- Xe ô tô tại công trình	1.065.893.000	-
	<u>4.963.712.959</u>	<u>6.231.781.409</u>

(1) Dự án thủy điện Phình Hồ được khởi công xây dựng từ năm 2007 với tổng vốn đầu tư dự kiến là 133,77 tỷ đồng (theo đơn giá năm 2007), thời gian thi công dự kiến là 03 năm từ năm 2007. Dự án đã được Công ty chuyển nhượng theo Nghị quyết số 78a/2015-HĐQT-NQ ngày 24/10/2015.

(2) Dự án mỏ đá Nhà Lương và dự án khai thác mỏ đất san lấp núi Chua được khởi công xây dựng từ năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến lần lượt là 43,18 tỷ đồng và 27,80 tỷ đồng, thời gian thi công dự kiến là đến quý IV/2012 đi vào khai thác. Tuy nhiên, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã cho tạm dừng dự án để cho phép một doanh nghiệp khác thực hiện Đề án xây dựng Thiền viện Trúc lâm Hồng Lĩnh. Theo đó, UBND tỉnh Hà Tĩnh sẽ ưu tiên cho Công ty có mỏ đá khảo sát tại vị trí mới, đồng thời sẽ tính toán kinh phí bồi thường và hỗ trợ cho Công ty. Tại thời điểm 31/12/2015, dự án vẫn đang tạm dừng để chờ các quyết định phê duyệt dự án cũng như phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho Công ty.

(3) Dự án công trình thủy điện Canan do công ty TNHH Năng lượng Sovico - Nghệ An là chủ đầu tư. Căn cứ theo giấy chứng nhận đầu tư số 4586247383 chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 09 năm 2009, chứng nhận lần hai ngày 03 tháng 11 năm 2015 dự án có tổng mức đầu tư là 367.683.000.000 đồng, dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động từ Quý II năm 2017. Tới thời điểm 31/12/2015 dự án đã phát sinh các chi phí liên quan tới tư vấn, thiết kế và làm đường đi vào nhà máy.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.684.331.635	32.091.879.638	30.107.399.244	398.193.374	70.281.803.891
- Mua trong năm	-	26.563.363.226	8.869.068.946	47.654.545	35.480.086.717
- Tăng do hợp nhất công ty con	11.221.128.927	51.289.945.922	37.248.995.238	327.732.372	100.087.802.459
- Tăng do nâng cấp tài sản	-	-	224.000.000	-	224.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(7.684.331.635)	(7.663.636.364)	(16.769.360.973)	(109.651.500)	(32.226.980.472)
Số dư cuối năm	11.221.128.927	102.281.552.422	59.680.102.455	663.928.791	173.846.712.595
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	471.456.704	28.719.634.001	26.522.480.199	322.214.431	56.035.785.335
- Khấu hao trong năm	199.078.096	4.081.372.585	2.753.982.606	40.416.194	7.074.849.481
- Tăng do hợp nhất công ty con	6.166.976.736	19.711.944.480	12.712.660.786	232.080.209	38.823.662.211
- Thanh lý, nhượng bán	(591.498.360)	(7.063.051.064)	(16.769.360.973)	(58.767.622)	(24.482.678.019)
- Tăng/Giảm khác do phân loại lại	(8.904.384)	8.904.384	-	-	-
Số dư cuối năm	6.237.108.792	45.458.804.386	25.219.762.618	535.943.212	77.451.619.008
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.212.874.931	3.372.245.637	3.584.919.045	75.978.943	14.246.018.556
Tại ngày cuối năm	4.984.020.135	56.822.748.036	34.460.339.837	127.985.579	96.395.093.587

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 71.968.283.442 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.880.503.115 đồng.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu, thương hiệu	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	21.839.792.364	92.500.000	250.000.000	22.182.292.364
- Thanh lý, nhượng bán	(21.839.792.364)	-	-	(21.839.792.364)
Số dư cuối năm	-	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	92.500.000	115.625.037	208.125.037
- Khấu hao trong năm	-	-	12.500.004	12.500.004
Số dư cuối năm	-	92.500.000	128.125.041	220.625.041
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	21.839.792.364	-	134.374.963	21.974.167.327
Tại ngày cuối năm	-	-	121.874.959	121.874.959

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước về thuê văn phòng và bếp ăn	155.387.034	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	17.694.774	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	640.991.515	297.899.770
	814.073.323	297.899.770
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	4.574.337.394	-
Phí tư vấn thiết kế Logo và Slogan	401.765.833	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	972.222.601	456.399.553
Chi phí trả trước dài hạn khác	87.522.333	50.648.250
	6.035.848.161	507.047.803

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 704	790.894.638	790.894.638	-	-
- Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	1.157.741.200	1.157.741.200	-	-
- Xí nghiệp Sông Đà 10.6	-	-	500.000.000	500.000.000
- Công ty CP DVC Việt Nam	8.734.221.171	8.734.221.171	-	-
- Công ty TNHH Đại Minh	4.832.027.136	4.832.027.136	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	27.020.470.309	27.020.470.309	3.179.264.649	3.179.264.649
	42.535.354.454	42.535.354.454	3.679.264.649	3.679.264.649

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.570.020.111	2.784.243.311	7.089.338.528	-	264.924.894
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.199.435.408	9.158.921.809	5.646.211.226	-	10.712.145.991
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	989.416.314	754.213.565	-	235.202.749
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	286.759.450	-	-	286.759.450
Các loại thuế khác	-	-	9.190.507	4.000.000	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.146.450.864	3.040.501.123	-	105.949.741
	-	11.769.455.519	16.374.982.255	16.534.264.442	-	11.610.173.332

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Trong đó tổng số thuế phải nộp trong năm là 8.332.122.033 đồng và số tăng do hợp nhất Công ty con là 8.042.860.222 đồng.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	350.036.487	19.699.481
- Tiền vật tư sử dụng quá định mức phải trả	470.085.917	-
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	2.141.744.445	6.744.349.811
- Chi phí phải trả khác	346.700.530	274.655.300
	<u>3.308.567.379</u>	<u>7.038.704.592</u>

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	400.381.977	488.534.257
- Bảo hiểm xã hội	375.391.891	1.128.220.341
- Bảo hiểm y tế	9.142.610	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.260.000	-
- Phải trả vật tư tạm nhập trong năm	1.024.496.181	-
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	3.782.722	-
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	831.298.041	356.398.041
- Phải trả tiền mua quyền cổ phiếu	17.450.909.300	-
- Phải trả tiền giao dịch ký quỹ tại công ty chứng khoán	8.012.447.697	-
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	1.857.482.664	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.077.438.579	2.267.240.097
	<u>28.608.494.917</u>	<u>4.240.392.736</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	-
	<u>56.815.000</u>	<u>-</u>

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	18.581.907.262	18.581.907.262	168.468.134.580	96.572.941.756	90.477.100.086	90.477.100.086
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Thăng Long	17.554.000.942	17.554.000.942	8.475.500.947	26.029.501.889	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Mỹ Đình	1.027.906.320	1.027.906.320	-	1.027.906.320	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	-	-	130.179.440.348	49.595.657.337	80.583.783.011	80.583.783.011
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (2)	-	-	21.664.387.758	11.771.070.683	9.893.317.075	9.893.317.075
- Công ty Cổ phần chứng khoán IB	-	-	8.119.205.527	8.119.205.527	-	-
- Công ty tài chính CP Sông Đà	-	-	29.600.000	29.600.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	8.990.712.212	-	8.990.712.212	8.990.712.212
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	-	-	7.620.512.212	-	7.620.512.212	7.620.512.212
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	-	-	1.370.200.000	-	1.370.200.000	1.370.200.000
	<u>18.581.907.262</u>	<u>18.581.907.262</u>	<u>177.458.846.792</u>	<u>96.572.941.756</u>	<u>99.467.812.298</u>	<u>99.467.812.298</u>

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	-	-	37.910.800.140	5.395.627.000	32.515.173.140	32.515.173.140
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Chương Dương	-	-	2.528.000.000	2.528.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	-	-	30.634.100.140	2.317.877.000	28.316.223.140	28.316.223.140
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	-	-	4.541.500.000	342.550.000	4.198.950.000	4.198.950.000
- Công ty tài chính CP Sông Đà	-	-	207.200.000	207.200.000	-	-
Trái phiếu thường (*)	-	-	85.000.000.000	-	85.000.000.000	85.000.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>122.910.800.140</u>	<u>5.395.627.000</u>	<u>117.515.173.140</u>	<u>117.515.173.140</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(8.990.712.212)	-	(8.990.712.212)	(8.990.712.212)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>-</u>	<u>-</u>			<u>108.524.460.928</u>	<u>108.524.460.928</u>

(*) Trong năm Công ty phát hành 85 trái phiếu tại ngày 25/12/2015 với kỳ hạn 36 tháng với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây			80.583.783.011	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/283367/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2015 là 8,3%/năm	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	80.583.783.011	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh			9.893.317.075	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 15106/HM/HĐTD.DAH ngày 29 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2015 từ 8,2%/năm đến 8,7%/năm	Thời gian rút vốn tín dụng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng, thời hạn thanh toán tối đa 09 tháng áp dụng cho từng lần rút vốn	9.893.317.075	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái quy định pháp luật
	Tổng cộng			90.477.100.086	

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây			28.316.223.140	7.620.512.212	
	HĐTD số 01/2011/HĐ ngày 17/06/2011	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	89.000.000	89.000.000	Đầu tư 01 máy ủi - Nâng cao năng lực thiết bị thi công
	HĐTD số 02/2011/HĐ ngày 07/10/2011 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.395.000.000	1.395.000.000	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2011
	HĐTD số 01/2012/HĐ ngày 26/06/2012	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	300.000.000	200.000.000	Đầu tư cho dự án đầu tư xe máy thiết bị năm 2012 - Giai đoạn 1
	HĐTD số 02/2012/HĐ ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	3.937.287.776	2.200.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn 1
	HĐTD số 02/2014/283367/HĐTD ngày 18/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.095.000.000	292.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HĐTD số 03/2014/283367/HĐTD ngày 20/11/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	3.354.400.000	838.600.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HĐTD số 04/2014/283367/HĐTD ngày 20/12/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	5.790.000.000	1.443.600.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6
	HĐTD số 01/2015/283367/HĐTD ngày 02/02/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	758.000.000	192.000.000	Mua xe ô tô BMW 320i
	HĐTD số 02/2015/283367/HĐTD ngày 05/03/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.510.165.250	355.332.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 7
	HĐTD số 02/2015/283367/HĐTD ngày 11/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	7.132.014.114		Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay
	HĐTD số 03/2015/283367/HĐTD ngày 28/09/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.661.656.000	614.980.212	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2
	Bảng kê rút vốn ngày 30/11/2015 của BIDV.	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	293.700.000		Thanh toán tiền mua máy phát điện 375 KVA, và 60 KVA.
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh			4.198.950.000	1.370.200.000	
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14082 ngày 22/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	457.500.000	122.000.000	Thanh toán một phần tiền mua xe Ranger Wildtrak 3.2
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14084 ngày 10/10/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.077.700.000	287.200.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14102 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	1.298.250.000	577.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 4
	HĐTD số DAH-HĐCTD/14108 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	527.500.000	208.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HĐTD số 15189/TH.HĐTD.DAH ngày 26/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	838.000.000	176.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 1
	Tổng cộng			32.515.173.140	8.990.712.212	

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	124.969.290.000	982.166.000	7.626.567.903	3.865.479.071	-	137.443.502.974
Lãi / lỗ trong năm trước	-	-	-	21.411.420.284	-	21.411.420.284
Phân phối lợi nhuận	-	-	395.147.080	(912.709.854)	-	(517.562.774)
Giảm khác	-	-	(1.970.769.952)	-	-	(1.970.769.952)
Số dư cuối năm trước	124.969.290.000	982.166.000	6.050.945.031	24.364.189.501	-	156.366.590.532
Số dư đầu năm nay	124.969.290.000	982.166.000	6.050.945.031	24.364.189.501	-	156.366.590.532
Tăng vốn trong năm nay (*)	245.030.710.000	-	-	-	-	245.030.710.000
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	60.939.727.605	60.939.727.605
Lãi trong năm nay	-	-	-	28.255.610.737	182.340.934	28.437.951.671
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.141.142.028	(3.211.713.042)	-	(1.070.571.014)
Tạm ứng thù lao HĐQT và BKS	-	-	-	(1.174.900.000)	-	(1.174.900.000)
Giảm khác	-	-	-	(66.866.755)	(64.244.530)	(131.111.285)
Số dư cuối năm nay	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	48.166.320.441	61.057.824.009	488.398.397.509

(*) Trong kỳ, Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu với tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 24.503.071 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 245.030.710.000 đồng. Số cổ phiếu chào bán thành công được chính thức giao dịch từ ngày 03/06/2015 theo Thông báo số 528/TB-SGDHN ngày 25/05/2015, căn cứ Quyết định số 285/QĐ-SGDHN ngày 19/05/2015 về việc chấp thuận niêm yết bổ sung Cổ phiếu của Công ty Cổ phần SCI.

Phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu được thông qua theo Nghị quyết số 15/S99-HĐQT-NQ ngày 07/04/2015 của Hội đồng Quản trị Công ty, bao gồm:

- Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty liên kết, các công ty có tiềm năng;
- Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông và hạ tầng theo định hướng tái cơ cấu của Công ty;
- Bổ sung vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính phục vụ kế hoạch tái cơ cấu hoạt động của Công ty.

Tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán cổ phiếu đến ngày 31/12/2015 của Công ty như sau:

Nội dung sử dụng vốn	Chi tiết	Phương án sử dụng vốn			Kết quả sử dụng vốn
		Số dự kiến sử dụng	Số tiền đã sử dụng	Số chưa sử dụng	
Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty liên kết, các công ty có ngành nghề tương đồng nhằm nâng cao qui mô, năng lực và hiệu quả hoạt động;	Mua trên 5% cổ phần của CTCP Fecon để trở thành cổ đông lớn	40.000.000.000	37.000.000.000	3.000.000.000	Đã đạt mục tiêu sử dụng vốn đề ra. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty. Công ty đã bán khoản đầu tư này. Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty.
	Mua trên 51% cổ phần CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (Sicco) để trở thành Công ty mẹ	65.000.000.000	62.056.250.000	2.943.750.000	
	Mua trên 20% cổ phần CTCP Dịch vụ vận tải và Dịch vụ Điện lực để thành Công ty liên kết	20.000.000.000	18.048.000.000	1.952.000.000	
	Mua trên 20% cổ phần Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và chuyên gia (Suleco) để trở thành Công ty liên kết	25.000.000.000	20.072.350.000	4.927.650.000	
Đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động thi công xây dựng trong lĩnh vực giao thông và hạ tầng	Danh mục đầu tư máy móc thiết bị do HĐQT Công ty quyết định	40.000.000.000	20.878.111.541	19.121.888.459	Phần vốn chưa sử dụng hết được bổ sung vốn lưu động của Công ty Phần vốn đầu tư còn lại sau khi đã thực hiện các mục tiêu trên được sử dụng để bổ sung vốn lưu động
Bổ sung vốn lưu động nhằm nâng cao năng lực tài chính phục vụ kế hoạch tái cơ cấu hoạt động của Công ty		55.030.710.000	83.941.512.894	(28.910.802.894)	
Cộng		245.030.710.000	241.996.224.435	3.034.485.565	Tồn trên tài khoản tiền gửi của Công ty

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 38/S99-ĐHĐCĐ-NQ ngày 27/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	21.411.420.284
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	2.141.142.028
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,00%	1.070.571.014
Lợi nhuận chưa phân phối	85,00%	18.199.707.242

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	370.000.000.000	100,00%	124.969.290.000
	100%	370.000.000.000	100%	124.969.290.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	370.000.000.000	124.969.290.000
- Vốn góp đầu năm	124.969.290.000	124.969.290.000
- Vốn góp tăng trong năm	245.030.710.000	-
- Vốn góp cuối năm	370.000.000.000	124.969.290.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.000.000	12.496.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.000.000	12.496.929
- Cổ phiếu phổ thông	37.000.000	12.496.929
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.000.000	12.496.929
- Cổ phiếu phổ thông	37.000.000	12.496.929
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.192.087.059	6.050.945.031
	8.192.087.059	6.050.945.031

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Doanh thu hợp đồng xây dựng	109.581.768.008	114.023.750.096
Doanh thu bán hàng hóa	5.975.458.151	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.149.851.681	221.975.727
	<u>124.707.077.840</u>	<u>114.245.725.823</u>

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Giảm giá hàng bán	-	1.928.451.071
	<u>-</u>	<u>1.928.451.071</u>

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Giá vốn hợp đồng xây dựng	104.721.297.282	80.900.137.015
Giá vốn hàng hóa đã bán	5.774.779.908	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.256.243.064	-
	<u>118.752.320.254</u>	<u>80.900.137.015</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	452.804.330	513.550.748
Lãi bán các khoản đầu tư	70.289.621.467	7.900.075.464
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.911.500.000	-
	<u>72.653.925.797</u>	<u>8.413.626.212</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền vay	5.122.710.343	1.537.802.683
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	33.142.555.908	2.668.212.523
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	8.420.618.581	-
Chi phí tài chính khác	892.985.711	62.277.723
	<u>44.242.951.610</u>	<u>4.268.292.929</u>

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VNĐ	Năm 2014 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.023.563.685	1.878.464.398
Chi phí nhân công	5.074.461.501	8.331.167.564
Chi phí khấu hao tài sản cố định	919.725.335	981.055.225
Thuế, phí, lệ phí	102.144.093	144.513.434
Chi phí dự phòng	82.503.698	9.133.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.408.406.207	749.405.150
Chi phí khác bằng tiền	5.858.104.322	3.039.427.975
	16.468.908.841	15.133.167.621

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VNĐ	Năm 2014 VNĐ
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	8.154.782.703	8.892.727.272
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	512.783.432	-
Cho thuê văn phòng và tiền điện	679.124.251	-
Chuyển nhượng dự án Phình Hồ	7.266.205.083	-
Thu nhập từ bán thiết bị sản xuất	163.636.364	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ công ty con	13.528.016.924	-
Hoàn nhập chi phí công trình Phình Hồ	-	7.266.205.083
Chuyển nhượng dự án đất Tân Vạn	46.867.055	7.433.749.545
Thu nhập khác	338.705.042	677.387.032
	30.690.120.854	24.270.068.932

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VNĐ	Năm 2014 VNĐ
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	11.683.387.314
Chi phí cho thuê văn phòng và tiền điện	679.124.252	-
Chi phí dự án Phình Hồ	7.266.205.083	-
Thuế bị truy thu	486.967.157	-
Các khoản bị phạt	93.319.360	-
Giá trị còn lại của thiết bị sản xuất nhượng bán	269.931.818	-
Chi phí đầu tư dự án đất Tân Vạn	-	3.480.573.434
Chi phí khác	284.372.027	1.921.542.543
	9.079.919.698	17.085.503.291

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.559.804.401	23.660.692.929
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	4.663.190.177	5.332.750.012
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	75.765.531	1.970.769.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6.329.736.664	685.825.691
Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng do hợp nhất Công ty con	4.287.279.935	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.778.327.448)	(1.659.608.991)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của hoạt động kinh doanh chính	10.577.644.859	6.329.736.664
<i>Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế từ HĐKD bất động sản	603.118.936	3.953.176.111
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	132.686.166	869.698.744
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	869.698.744	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(867.883.778)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	134.501.132	869.698.744
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.795.876.343	6.202.448.756
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	10.712.145.991	7.199.435.408

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.929.095.323	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	2.929.095.323	-

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	2.929.095.323	
	2.929.095.323	-

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	28.255.610.737	21.411.420.284
Các khoản điều chỉnh	(1.457.507.521)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	(884.042.649)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế Công ty con	(573.464.872)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	26.798.103.216	21.411.420.284
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.710.374	12.496.929
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	967	1.713

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	60.594.759.688	37.355.670.085
Chi phí nhân công	27.005.371.132	35.927.224.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.128.915.940	5.529.389.617
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.994.116.917	11.141.805.034
Chi phí khác bằng tiền	39.541.748.141	9.300.488.467
	180.264.911.818	99.254.577.427

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	32.717.881.915	-	15.006.939.754	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	265.630.658.999	(5.931.065.452)	103.452.800.833	(6.536.253.355)
Các khoản cho vay	2.250.000.000	-	-	-
Chứng khoán kinh doanh	205.817.372.392	(8.794.309.414)	22.618.158.788	(373.690.833)
Đầu tư dài hạn	80.550.000.000	-	550.000.000	-
	586.965.913.306	(14.725.374.866)	141.627.899.375	(6.909.944.188)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VNĐ	VNĐ
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	207.992.273.226	18.581.907.262
Phải trả người bán, phải trả khác	75.655.201.116	7.919.657.385
Chi phí phải trả	3.308.567.379	7.038.704.592
	286.956.041.721	33.540.269.239

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VNĐ	Trên 1 năm đến 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Cộng VNĐ
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.717.881.915	-	-	32.717.881.915
Phải thu khách hàng, phải thu khác	259.471.593.547	220.000.000	-	259.699.593.547
Các khoản cho vay	2.250.000.000	-	-	2.250.000.000
Chứng khoán kinh doanh	197.023.062.978	-	-	197.023.062.978
Đầu tư dài hạn	-	80.550.000.000	-	80.550.000.000
	491.462.538.440	80.778.000.000	-	572.240.538.440
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.006.939.754	-	-	15.006.939.754
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.916.547.478	-	-	96.916.547.478
Đầu tư ngắn hạn	22.244.467.955	-	-	22.244.467.955
Đầu tư dài hạn	-	550.000.000	-	550.000.000
	134.167.955.187	550.000.000	-	134.717.955.187

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	99.467.812.298	108.524.460.928	-	207.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	75.598.386.116	56.815.000	-	75.655.201.116
Chi phí phải trả	3.308.567.379	-	-	3.308.567.379
	<u>178.374.765.793</u>	<u>108.581.275.928</u>	<u>-</u>	<u>286.956.041.721</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	18.581.907.262	-	-	18.581.907.262
Phải trả người bán, phải trả khác	7.919.657.385	-	-	7.919.657.385
Chi phí phải trả	7.038.704.592	-	-	7.038.704.592
	<u>33.540.269.239</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>33.540.269.239</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ liên quan đến xây lắp và diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.352.176.079	1.294.613.451

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty thực hiện hợp nhất số liệu Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An nên số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam kiểm toán, và được Công ty trình bày lại hoặc phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay. Vì vậy, không thể so sánh số liệu cuối năm trên Bảng cân đối kế toán với số liệu đầu năm, cũng như không thể so sánh số liệu năm nay trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với số liệu năm trước.

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty Hợp danh kiểm toán Việt Nam kiểm toán. Một số chi tiêu đã được Công ty trình bày lại hoặc phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi	Ghi chú
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
121	1. Đầu tư ngắn hạn	22.618.158.788				(22.618.158.788)	
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(373.690.833)				373.690.833	
131	1. Phải thu khách hàng	74.440.483.812	121	1. Chứng khoán kinh doanh	22.618.158.788	22.618.158.788	
132	2. Trả trước cho người bán	4.443.710.344	122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(373.690.833)	(373.690.833)	
135	5. Các khoản phải thu khác	7.805.766.025	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	69.568.551.193	(4.871.932.619)	(1)
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.536.253.355)	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.443.710.344	-	
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	20.765.761.117	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	33.884.249.640	26.078.483.615	(2)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.231.781.409	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.536.253.355)	-	
258	3. Đầu tư dài hạn khác	550.000.000	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(20.765.761.117)	(3)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	211.965.036.265	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.231.781.409	6.231.781.409	
			253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	550.000.000	-	
			270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	212.405.826.144	440.789.879	

35. SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi	Ghi chú
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền		
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18.581.907.262	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18.581.907.262	-	
312	2. Phải trả người bán	3.679.264.649	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	3.679.264.649	-	
313	3. Người mua trả tiền trước	3.549.591.012	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.549.591.012	-	
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.769.455.519	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.769.455.519	-	
315	5. Phải trả người lao động	6.644.342.584	314	5. Phải trả người lao động	6.644.342.584	-	
316	6. Chi phí phải trả	7.395.102.633	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	7.038.704.592	(356.398.041)	(4)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.443.204.816	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	4.240.392.736	797.187.920	(5)
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	512.783.432	321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	512.783.432	-	
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.793.826	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.793.826	-	
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	124.969.290.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	124.969.290.000	-	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	2.522.874.670	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	6.050.945.031	3.528.070.361	
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	3.528.070.361				(3.528.070.361)	
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.364.189.501	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.364.189.501	-	
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	211.965.036.265	440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	212.405.826.144	440.789.879	

35. SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi	Ghi chú
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền		
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.133.167.621	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.133.167.621	-	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ			BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ				
03	Các khoản dự phòng	(4.242.384.895)	03	Các khoản dự phòng	(3.994.594.073)	247.790.822	(6)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(27.644.056.432)	09	Tăng, giảm các khoản phải thu (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	10.185.038.259	37.829.094.691	(6)
11	(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	7.048.475.153	11	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	(14.503.582.234)	(21.552.057.387)	(6)
			13	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	(16.524.828.126)	(16.524.828.126)	(6)

(1) Công ty trình bày phân loại lại số dư của các khoản tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán từ chỉ tiêu "Phải thu khách hàng" sang chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác";

(2) Số liệu thay đổi bao gồm:

- Phân loại lại số dư của các khoản tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán từ chỉ tiêu "Phải thu khách hàng" sang chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác": 4.871.932.619 đồng;

- Phân loại trình bày lại số dư nợ của các khoản Tạm ứng sang khoản phải thu khác theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC: 20.190.550.996 đồng;

- Phân loại trình bày lại số dư của các khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn sang khoản phải thu khác theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC: 1.016.000.000 đồng.

(3) Số chênh lệch bao gồm số dư còn lại của các khoản dự nợ tạm ứng sau khi được bù trừ 440.789.870 đồng với số dư số dư có của khoản mục tạm ứng tại 01/01/2015 là 19.749.761.117 đồng và số dư ký quỹ, ký cược ngắn hạn 1.016.000.000 đồng tại ngày 01/01/2015 nay được trình bày sang khoản phải thu khác theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC;

- (4) Điều chỉnh giảm chỉ tiêu "Chi phí phải trả ngắn hạn" số tiền 356.398.041 đồng sang chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" đối với khoản thù lao HĐQT và BKS năm 2014 chưa trả;
- (5) Bao gồm số điều chỉnh từ khoản mục "Chi phí phải trả ngắn hạn" số tiền 356.398.041 đồng và khoản số dư có của khoản mục tạm ứng tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày bù trừ với số dư nợ của khoản tạm ứng số tiền 440.789.870 đồng;
- (6) Công ty trình bày lại số liệu của báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

(Đã ký)

(Đã ký)

(Đã ký)

Quách Thị Thanh Thủy

Người lập

Cao Lữ Phi Hùng

Kế toán trưởng

Lương Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lương Thanh Tùng